

Số: 1843/TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm
một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An**
(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/11/2023 của Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các Bộ, ngành có liên quan lập hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Thực hiện nhiệm vụ được giao, thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An được thực hiện trên cơ sở những lý do sau:

Một là, ngày 18 tháng 7 năm 2023, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, xác định mục tiêu phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030: “*Nghệ An là tỉnh phát triển khá của cả nước, kinh tế phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hoá Việt Nam và xứ Nghệ; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về thương mại, logistics, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có khả năng ứng phó và thích ứng có hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hoá, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hoá xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy;*

quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được tăng cường”. Tầm nhìn đến năm 2045: “Nghệ An là tỉnh phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, văn minh và hiện đại, mang đậm bản sắc văn hoá Việt Nam và xứ Nghệ; là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hoá, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hoá xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được bảo đảm vững chắc; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường; tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện”. Nghị quyết đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Bộ Chính trị đối với tỉnh Nghệ An; định hướng, tạo động lực giúp tỉnh vươn lên phát triển xứng đáng với vị thế, tiềm năng trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định một trong số các nhiệm vụ, giải pháp là: “xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để phát huy cao nhất tiềm năng, thế mạnh, xây dựng, phát triển tỉnh Nghệ An toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch quốc gia và quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ”, đồng thời “có cơ chế, chính sách vượt trội để phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa của cả vùng Bắc Trung Bộ”, đồng thời giao Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành; giao Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo rà soát, ban hành bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù để vừa tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Hai là, mặc dù tỉnh Nghệ An có nhiều tiềm năng, lợi thế, hội tụ nhiều yếu tố về điều kiện thuận lợi để phát triển, nằm ở vị trí trung tâm vùng Bắc Trung Bộ kết nối hai miền Bắc Nam, trong hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền Myanmar - Thái Lan - Lào - Việt Nam theo Quốc lộ 7 thông ra biển Đông qua cảng Cửa Lò; Hệ thống cơ sở hạ tầng của Nghệ An đầy đủ các loại hình giao thông đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, đường biển và đường thủy nội địa; là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước và dân số đứng thứ tư với hơn 3,4 triệu người, thành phố Vinh là đô thị loại 1 với bề dày truyền thống lịch sử văn hóa. Tuy nhiên, đến nay, Nghệ An vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn, chưa cân đối được ngân sách. Chưa đạt được mục tiêu trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015 và tỉnh công nghiệp vào năm 2020, là trung tâm thương mại, du lịch, công nghiệp công nghệ cao của khu vực Bắc Trung Bộ. Kết cấu hạ tầng kinh tế -

xã hội chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông trọng yếu; tốc độ đô thị hóa chậm; khu vực miền Tây còn nhiều khó khăn. Phát triển kinh tế, nhất là kinh tế biển, du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; tỉ trọng sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn thấp; nông nghiệp công nghệ cao chậm được nhân rộng; đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ; liên kết, hợp tác với các tỉnh lân cận hiệu quả chưa cao. Phát triển văn hóa, xã hội còn nhiều bất cập; chất lượng giáo dục, đào tạo chưa đồng đều; khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa đáp ứng được yêu cầu; tỉ lệ hộ nghèo còn cao; đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận Nhân dân còn nhiều khó khăn; quản lý, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu chưa hiệu quả. An ninh, trật tự tiềm ẩn phức tạp, nhất là địa bàn Tây Nghệ An, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là, thực tiễn quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 trong giai đoạn trước cho thấy, nếu tỉnh Nghệ An không có cơ chế, chính sách đặc thù thì tỉnh không thực hiện được các bước đột phá để phát triển nhanh, bền vững và rất khó để triển khai, hoàn thành được mục tiêu Nghị quyết của Bộ Chính trị đã đề ra. Năm 2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 36/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, mặc dù các cơ chế, chính sách đặc thù được ban hành bước đầu đã phát huy hiệu quả, tuy nhiên các cơ chế, chính sách trên chưa bảo đảm để thực hiện mục tiêu phát triển tỉnh Nghệ An trong bối cảnh mới, đặc biệt là để thực hiện được thành công các mục tiêu, nhiệm vụ được Bộ Chính trị đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW. Tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, Quốc hội đã giao Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng bổ sung các cơ chế, chính sách khác phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết của Bộ Chính trị khi tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An.

Trước thực trạng và những khó khăn nêu trên, để tạo điều kiện cho tỉnh Nghệ An thực hiện được các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được giao tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị thì việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thể chế hóa đầy đủ

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển tỉnh Nghệ An nhanh và bền vững, phấn đấu xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, kinh tế phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hoá Việt Nam và xứ Nghệ; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về thương mại, logistics, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có khả năng ứng phó và thích ứng có hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hoá, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hoá xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được tăng cường.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013; bám sát mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết;

2. Đề xuất bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, khác với các quy định của pháp luật hiện hành hoặc chưa được quy định cụ thể;

3. Việc đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An phải phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của địa phương và phù hợp với khả năng huy động, cân đối nguồn lực của Nhà nước; bảo đảm tính tương đồng với các tỉnh, thành phố trong cả nước có Nghị quyết riêng của Bộ Chính trị;

4. Tăng cường phân cấp, phân quyền, tăng tính tự chủ, tăng trách nhiệm của chính quyền tỉnh Nghệ An, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Nghệ An;

5. Các cơ chế, chính sách đặc thù giúp tỉnh Nghệ An có điều kiện huy động thêm nguồn lực, phát huy tiềm năng lợi thế, từng bước giải quyết các khó khăn, thách thức, tạo đột phá cho phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 223/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban soạn thảo đã chủ trì tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập về hồ sơ xây dựng Nghị quyết tỉnh Nghệ An, xin ý kiến các thành viên Ban soạn thảo, Tổ Biên tập về xây dựng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản¹ xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan có liên quan về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết tại văn bản số 585/TTr-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được góp ý của 18/18 Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan.

Trên cơ sở 18/18 ý kiến tham gia thống nhất về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; nội dung thảo luận tại cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 26 tháng 02 năm 2024; ý kiến tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh Nghệ An tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11 tháng 3 năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ và tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương (*xin gửi kèm theo*).

IV. TÊN, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Tên gọi của Nghị quyết: Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

Nghị quyết này quy định thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Nghệ An về lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách nhà nước;

¹ Văn bản số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 01 năm 2024 và số 1270/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23 tháng 02 năm 2024.

quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường; quản lý đầu tư; phát triển kinh tế biển; tổ chức bộ máy và biên chế.

4. Thời gian thực hiện Nghị quyết:

Được thực hiện trong 05 năm kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

Để đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An như mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đề xuất gồm 05 nhóm lĩnh vực với tổng số 18 chính sách. Trong đó: (1) Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước (05 chính sách); (2) Quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường (04 chính sách); (3) Quản lý đầu tư (04 chính sách); (4) Phát triển kinh tế biển (02 chính sách); (5) Tổ chức bộ máy và biên chế (03 chính sách). Cụ thể như sau:

1. Chính sách 1. Thí điểm thực hiện một số chính sách phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh chưa được quy định, điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Bảo đảm tính linh hoạt, giúp cho tỉnh Nghệ An chủ động hơn trong việc thực hiện chính sách phí, lệ phí phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu của Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; vừa phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết vĩ mô, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, vừa tăng cường khả năng khuyến khích, dẫn dắt đầu tư sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Thí điểm thực hiện một số chính sách phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh chưa được quy định, điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

- Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định trên để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Tỉnh và không dùng để xác định số bổ sung cân đối ngân sách và số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Tỉnh.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định tại Điều 21 Luật Phí và lệ phí, HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền: (i) Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; (ii) Xem xét, cho ý kiến để UBND cấp tỉnh đề xuất với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Luật Phí và lệ phí: Giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước: Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế.

Nghệ An là tỉnh có quy mô diện tích, dân số lớn, số lượng các đơn vị hành chính nhiều, nhiều huyện miền núi, nhiều dân tộc khác nhau, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, đặt ra yêu cầu đối với nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước phải phù hợp, hài hòa giữa các vùng, miền, đối tượng, ngành, lĩnh vực. Việc đề xuất Trung ương cho phép tỉnh Nghệ An được chủ động, linh hoạt trong thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn sẽ tạo điều kiện cho tỉnh: (i) Phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết vĩ mô của chính sách phí, lệ phí; (ii) Thực hiện tái phân phối thu nhập xã hội tốt hơn cho nền kinh tế để bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, từng bước thu hẹp chênh lệch mức sống, khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, địa phương; (iii) Động viên, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh đối với những ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển; (iv) Đồng thời, tăng khả năng huy động nguồn thu đóng góp cho ngân sách nhà nước từ một số ngành, lĩnh vực có tăng trưởng tốt, tạo dư địa nguồn lực tài chính bổ sung cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi của tỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Hiện nay, có một số loại phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 như: thu phí đậu đỗ xe ô tô, thu phí các loại phương tiện cơ giới cá nhân tham gia lưu thông vào khu vực trung tâm... Khi được Quốc hội cho phép áp dụng, tỉnh Nghệ An sẽ triển khai thực hiện các chính sách về phí, lệ phí trên địa bàn tuân thủ các nguyên tắc: (i) Bảo đảm có lộ trình thực hiện phù hợp với trình độ, yêu cầu phát triển của tỉnh và có tính đến yếu tố vùng miền; (ii) Bảo đảm tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều

tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; (iii) Bảo đảm công khai, minh bạch.

Hiện nay Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự nêu trên đối với tỉnh Thanh Hóa; các thành phố: Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

2. Chính sách 2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều kiện được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với huyện Nam Đàn và các huyện nghèo khu vực miền Tây Nghệ An. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước và nước ngoài; cho phép các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các địa phương khác của tỉnh Nghệ An

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Bảo đảm công tác hỗ trợ giữa các địa phương trong tỉnh trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ an sinh xã hội và trong các trường hợp cần thiết khác, góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng cho các địa phương được hỗ trợ đúng quy định. Ngoài ra, thực hiện hỗ trợ cho các địa phương nước ngoài, nhất là các địa phương của nước CHDCND Lào, thực hiện được định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị: “Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, nhất là trong lĩnh vực kinh tế với các địa phương của nước bạn Lào có chung đường biên giới với Nghệ An”.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều kiện được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với huyện Nam Đàn và các huyện nghèo khu vực miền Tây Nghệ An. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước và nước ngoài; cho phép các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các địa phương khác của tỉnh Nghệ An trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ an sinh xã hội và trong các trường hợp cần thiết khác.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định hiện hành chỉ được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho địa phương khác trong phạm vi quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có phát sinh nhiều trường hợp cần huy động nguồn lực hỗ trợ giữa các cấp ngân sách, giữa địa phương này và địa phương khác gặp vướng mắc không thực hiện được do quy định tại của Luật Ngân sách nhà nước. Do đó, các địa phương có nguồn lực, đề xuất có cơ chế đặc thù để có cơ sở hỗ trợ thêm cho các địa phương khác.

Nghệ An là tỉnh có diện tích rộng nhất cả nước, trong đó khu vực miền núi chiếm 83% diện tích. Khu vực miền Tây có 11 huyện, thị xã (trong đó có 4 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong và Quỳnh Châu là bốn huyện nghèo thuộc khu vực miền Tây Nghệ An theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của cả nước giai đoạn 2021-2025) là địa bàn có địa hình phức tạp; thường xuyên phải chịu nhiều tác động của thiên tai, lũ lụt; nguồn lực để hỗ trợ đầu tư phát triển vùng miền Tây Nghệ An, nhất là nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi,...) chưa đáp ứng yêu cầu; đời sống nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó huyện Nam Đàn là địa phương đặc biệt không chỉ của riêng Nghệ An mà của cả nước. Ngoài ra, việc hỗ trợ huyện Nam Đàn góp phần thực hiện hiệu quả các nội dung của Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm "Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018 – 2025". Bên cạnh đó, Nghệ An là tỉnh tiếp giáp với nước CHDCND Lào với 468 km đường biên giới, tỉnh có quan hệ kết nghĩa với một số địa phương của Lào, do đó quá trình hợp tác thường có hỗ trợ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh cho các địa phương của Lào. Tuy nhiên, do vướng mắc về quy định của Luật Ngân sách nhà nước nên thực tế công tác hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh (Ngoài phạm vi quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước) giữa các địa phương trong tỉnh và hỗ trợ của tỉnh cho Lào không triển khai được.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

3. Chính sách 3. Cho phép tỉnh Nghệ An được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, hàng không hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Tạo điều kiện cho tỉnh được bổ sung nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ các cơ sở kinh doanh dịch vụ hạch toán phụ thuộc của các doanh nghiệp ngoại tỉnh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc chi nhánh, cơ sở kinh doanh phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa bàn nào thì thực hiện kê khai và nộp thuế tại địa bàn đó

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Cho phép tỉnh Nghệ An được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, hàng không hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Điều 12 Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-VPQH: Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về nơi nộp thuế như sau: Doanh nghiệp nộp thuế tại nơi có trụ sở chính. Trường hợp doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn nơi doanh nghiệp có trụ sở chính thì số thuế được tính nộp theo tỷ lệ chi phí giữa nơi có cơ sở sản xuất và nơi có trụ sở chính. Việc phân cấp, quản lý, sử dụng nguồn thu được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tại điểm b, khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: “Chính phủ quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp sau đây: ...b) Người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn”;

Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế: “2. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này) tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính.

Theo các quy định nêu trên thì các chi nhánh, cơ sở hạch toán phụ thuộc của các doanh nghiệp ngoại tỉnh hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thực hiện kê khai và nộp thuế tại trụ sở chính của doanh nghiệp và không phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp cho các địa địa bàn hoạt

động đối với đơn phụ thuộc, địa điểm kinh doanh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có gần 1.000 chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp ngoại tỉnh, trong đó có hơn 600 chi nhánh, địa điểm kinh doanh không phát sinh số nộp NSNN tại địa phương mà chuyển nộp thuế về trụ sở chính theo quy định (Ví dụ các chi nhánh, phòng giao dịch của các Ngân hàng thương mại đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An).

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

4. Chính sách 4. Cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Bổ sung nguồn lực để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực miền Tây Nghệ An, nhất là các địa bàn bị ảnh hưởng do khai thác khoáng sản, sản xuất thủy điện, từ đó góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước, quy định: “b) Đối với khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm đ và điểm i khoản 1 Điều 37 của Luật này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương”. Theo đó, điểm đ khoản 1 Điều 37 là tiền sử dụng đất; điểm i khoản 1 Điều 37 là thu từ nguồn xổ số kiến thiết. Do đó, mặc dù tỉnh Nghệ An vẫn được thu thuế đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhưng nguồn thu trên được dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 22 nhà máy sản xuất thủy điện

đang hoạt động ở khu vực miền Tây. Đây là địa bàn đặc biệt khó khăn, đầu tư hạ tầng yếu kém và thiếu thôn. Hệ thống công trình nhà máy thủy điện của tỉnh thuộc khu vực các huyện miền Tây phục vụ đảm bảo cấp điện cho hệ thống điện quốc gia nhưng có ảnh hưởng, tác động không nhỏ đến môi trường, cuộc sống người dân. Do vậy, cần được bố trí để đầu tư hạ tầng bù đắp lại các ảnh hưởng cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa các huyện khu vực này trong bối cảnh tỉnh đang xây dựng các chương trình đề án phát triển miền Tây Nghệ An để thực hiện theo định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

5. Chính sách 5. Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh). Khoản thu trên không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Bổ sung nguồn lực để đầu tư hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh). Khoản thu trên không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Tại Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “*Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%: Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang*

bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện; Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu”. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước, quy định: “b) Đối với khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm đ và điểm i khoản 1 Điều 37 của Luật này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương”. Theo đó, điểm đ khoản 1 Điều 37 là tiền sử dụng đất; điểm i khoản 1 Điều 37 là thu từ nguồn xổ số kiến thiết.

Hiện nay, theo tính toán với quy định hiện hành thì số vượt thu ngân sách trung ương được hưởng từ các khoản thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An mỗi năm khoảng 300 - 400 tỷ đồng. Để có thể tạo điều kiện bổ sung nguồn lực cho tỉnh Nghệ An thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị trong điều kiện nguồn lực của địa phương rất hạn chế do đó việc đề xuất giải pháp cho phép tỉnh Nghệ An được hưởng nguồn vượt thu nói trên là cần thiết.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

6. Chính sách 6. Cơ chế, chính sách khai thác, phát triển quỹ đất đô thị

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo thêm nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng tại các đô thị, bảo đảm bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất; bảo đảm mỹ quan đô thị đồng bộ, khắc phục tình trạng nhà ở “siêu méo, siêu mỏng” khi thực hiện đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường đô thị.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận đối với các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh với khoảng cách tối đa 45m ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch và quy định pháp luật; được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất vùng phụ cận của dự án được thu hồi để phục vụ tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch khu vực dự kiến thu hồi; được quyết định mật độ xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng khác quy chuẩn xây dựng khu vực thuộc phạm vi dự án và vùng phụ cận.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định hiện hành, để thực hiện đầu tư xây dựng mới hay nâng cấp, mở rộng các tuyến đường chính trên địa bàn đô thị phải tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng, trong đó dự án chỉ được thực hiện thu hồi đất trong phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch đô thị được duyệt. Thực tế trong thời gian qua, việc đầu tư xây dựng các tuyến đường đô thị trong cả nước nói chung và các đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng, nhất là địa bàn thành phố Vinh, sau khi hoàn thành công tác bồi thường – GPMB để thực hiện dự án đã xuất hiện nhiều lỗi, thừa đất bám mặt đường nhưng hình dạng, kích thước, diện tích không đồng bộ hoặc "siêu mỏng", "siêu méo", gây ảnh hưởng tới mỹ quan đô thị. Mặt khác, nguồn thu để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng của Thành phố Vinh và các đô thị trên địa bàn tỉnh nói chung hiện phụ thuộc chủ yếu vào tiền sử dụng đất, trong khi tiền sử dụng đất hiện chỉ phát sinh từ các dự án hạ tầng khai thác quỹ đất, chưa khai thác hiệu quả lợi thế chênh lệch địa tô từ các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; do đó cần nghiên cứu, điều chỉnh quy định để khai thác, phát huy tối đa hiệu quả của các dự án đầu tư công, chỉnh trang đô thị, tạo nguồn thu cho đầu tư phát triển.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

7. Chính sách 7. Sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế trong trường hợp không bố trí được quỹ đất để trồng rừng thay thế, khắc phục hạn chế về quỹ đất trống của tỉnh không đủ tiêu chí, điều kiện để thực hiện trồng rừng thay thế.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Cho phép tỉnh Nghệ An được giữ lại và sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thu từ các dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh không có điều kiện tự trồng rừng thay thế phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để thực hiện biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; phát triển giống cây lâm nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển

rừng; phát triển nguồn sinh thủy.

- Việc sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải đảm bảo nguyên tắc diện tích rừng thay thế tối thiểu phải bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng rừng tự nhiên.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp: Chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế. Trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế thì nộp tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh. UBND cấp tỉnh quyết định sử dụng tiền đã nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng để tổ chức trồng rừng thay thế. Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được hoặc không bố trí đủ diện tích đất để trồng rừng thay thế thì phải chuyển tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác. Tuy nhiên, Luật Lâm nghiệp chưa quy định việc trồng rừng thay thế bằng biện pháp lâm sinh gồm: “Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung²” (Điều 45 Luật Lâm nghiệp). Do đó, các địa phương không được sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thu từ các dự án để trồng rừng thay thế bằng biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

Khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp quy định: “*Chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên*”. Đơn giá thu đối với 01 ha trồng rừng thay thế mà các Chủ đầu tư phải nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được xác định theo định mức tính đúng, tính đủ để trồng 01 ha rừng tại thời điểm chủ đầu tư nộp tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Luật lâm nghiệp (hiện tại trên địa bàn tỉnh đang xác định đơn giá trồng rừng thay thế khoảng 110 triệu đồng/ha). Kinh phí trồng rừng thay thế thu từ các dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp, cụ thể tại Khoản 3 quy định “*Số tiền nộp vào quỹ bảo vệ*

² Đây là biện pháp tác động để biến một diện tích đất lâm nghiệp chưa đạt tiêu chí thành rừng thành diện tích đất có rừng (theo Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định các biện pháp lâm sinh).

và phát triển rừng ở cấp tỉnh bằng diện tích rừng phải trồng thay thế quy định tại khoản 1 Điều này nhân với đơn giá cho 01 ha rừng trồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tiền đã nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh”.

Đối với tỉnh Nghệ An, hiện tại quỹ đất trống (đất chưa có rừng) đủ tiêu chí, điều kiện theo quy định để thực hiện trồng rừng thay thế của tỉnh Nghệ An là rất khó khăn do diện tích đất trống trên địa bàn tỉnh rất manh mún, chủ yếu nằm ở vùng sâu, vùng xa điều kiện thi công vô cùng khó khăn, một số diện tích có điều kiện lập địa chủ yếu là núi đá không có cây hoặc tỷ lệ đá lẫn rất lớn không đủ tiêu chí để trồng rừng. Khó khăn này, thời gian qua đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ triển khai các dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, dự án quan trọng quốc gia, dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh. Trong khi đó, theo kết quả cập nhật, theo dõi diễn biến rừng, hiện nay toàn tỉnh có khoảng 72.113,8 ha đất lâm nghiệp chưa có rừng có thể áp dụng biện pháp lâm sinh biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên để đảm bảo tiêu chí thành rừng mà không cần thiết phải thực hiện biện pháp lâm sinh trồng mới rừng. Việc sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thu từ các dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh không có điều kiện tự trồng rừng thay thế phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để thực hiện các biện pháp lâm sinh biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên thay thế cho biện pháp lâm sinh trồng mới rừng là rất hiệu quả, diện tích rừng thay thế sẽ đảm bảo diễn thế tự nhiên của rừng, cũng như các giá trị về đa dạng sinh học của rừng.

Vì vậy, để giải quyết các khó khăn đối với công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh, đồng thời để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật lâm nghiệp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, việc đề xuất cơ chế, chính sách này là rất cần thiết, đảm bảo phù hợp với thực tiễn; đảm bảo được mục tiêu diện tích rừng được thay thế tối thiểu bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 21 luật lâm nghiệp.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

8. Chính sách 8. Kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn

ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng, giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng có hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu; phát triển rừng cùng với thị trường tín chỉ các-bon; huy động các nguồn lực cho đầu tư và phát triển tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được thực hiện thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các bon ra thị trường quốc tế

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Tỉnh Nghệ An là tỉnh có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn nhất cả nước. Nghệ An hiện nằm trong 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ thực hiện đề án ERPA (Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ). Theo tính toán tại Đề án giảm phát thải cấp vùng và đánh giá tại báo cáo của Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) gửi Tổng cục lâm nghiệp thì tỉnh Nghệ An có khối lượng giảm phát thải dự kiến là 20,6 triệu tấn các bon, khối lượng phát thải phải đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải KNK của quốc gia giai đoạn 2020-2030 là 4,34 triệu tấn. Như vậy, tỉnh Nghệ An có 16,26 triệu tấn các-bon dư dự kiến có thể tiến hành trao đổi, mua bán trên thị trường. Việc triển khai Dự án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế” giúp cho Tỉnh tự chủ trong thực hiện chuyển quyền giảm phát thải khí nhà kính cấp tỉnh và quản lý, sử dụng nguồn thu phục vụ công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh. Đây vừa là cơ hội và là thách thức cho tỉnh trong việc tìm kiếm đối tác, thương thảo mua bán chuyển quyền giảm phát thải (tín chỉ các-bon). Tuy nhiên sẽ tạo sự tự chủ trong hoạt động và tìm kiếm cơ hội về nguồn kinh phí tái đầu tư cho hoạt động quản lý bảo vệ rừng. Đồng thời góp phần đẩy nhanh sự phát triển thị trường các-bon của Việt Nam. Nguồn kinh phí thu về là đòn bẩy cho hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

và bảo vệ tài nguyên rừng tính nhà và là nguồn sinh kế bền vững cho cộng đồng, người dân sống gần rừng và dựa vào nghề rừng.

Tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: “...*phát triển rừng cùng với thị trường tín chỉ các-bon; chủ động phát triển sản xuất lâm sản ngoài gỗ...*”. Do pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể chủ thể; chưa quy định việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Thị trường các-bon trong nước theo lộ trình đến năm 2028 mới được vận hành chính thức, trong khi đó trên thế giới thị trường các-bon hiện rất sôi động và đã thực hiện mua bán, nên đây là cơ hội cho tỉnh Nghệ An, là tỉnh nhiều rừng và rất có tiềm năng về giảm phát thải khí nhà kính chủ động tiếp cận thị trường quốc tế, để huy động nguồn lực bổ sung cho hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

9. Chính sách 9. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Để bảo đảm rút gọn thời gian, trình tự thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với một số loại dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và bảo đảm tính đồng bộ với một số chính sách đã được phân cấp cho tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15; thực hiện theo hướng phân cấp, tăng cường trách nhiệm cho UBND tỉnh Nghệ An.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường thì các dự án thứ cấp thuộc Nhóm I nằm trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường. Thực tế đối với các Khu công nghiệp, khu chế xuất đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường, trong quá trình thực hiện ĐTM, các dự án đầu tư thứ

cấp khi được chấp thuận chủ trương đầu tư đã được xem xét, đánh giá để hạn chế thấp nhất tác động xấu tới môi trường. Do đó, việc đề xuất thí điểm phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh trong việc thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường là phù hợp, nhằm tăng cường sự chủ động cho địa phương, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện phục vụ công tác thu hút đầu tư vào địa bàn các khu công nghiệp.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

10. Chính sách 10. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Rút ngắn thời gian, trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo hướng phân cấp, tăng cường trách nhiệm cho UBND tỉnh Nghệ An.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định tại điểm b, d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội, đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thực hiện thẩm định và trình Thủ Tướng phê duyệt theo quy định. Theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư, thành phần hồ sơ, nội dung cần thẩm định để chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh là giống nhau. Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh là 32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp

lệ. Cơ quan đăng ký đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế) là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Như vậy, việc thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và dự án bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I nếu áp dụng ở quy trình thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay thẩm quyền UBND tỉnh cũng đều phải thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan (ý kiến cơ quan địa phương và bộ ngành trong khoảng thời gian 15 ngày) và triển khai thẩm định theo các nội dung yêu cầu giống nhau. Do đó, trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ tốn nhiều thời gian hơn, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội thì việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và dự án bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I đã phù hợp với quy hoạch chung xây dựng KKT Đông Nam Nghệ An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc phân cấp cho UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án này là cần thiết để giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giúp đẩy nhanh tiến độ đưa dự án đi vào hoạt động.

Tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội đã phân cấp cho UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân bay; Dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I. Riêng nội dung phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp chưa có địa phương nào được áp dụng. Đề xuất áp dụng thí điểm đối với tỉnh Nghệ An.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

11. Chính sách 11. Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP)

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Tạo điều kiện cho tỉnh Nghệ An có thể chủ động linh hoạt trong việc kêu gọi, triển khai các thủ tục đầu tư PPP nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng văn hóa - thể thao.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Tỉnh Nghệ An được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa. Trình tự thủ tục thực hiện các dự án quy định tại điểm này theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

- Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP quy định tại điểm a khoản này do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Hiện nay, tỉnh Nghệ An đang kêu gọi đầu tư một số dự án dự án theo hình thức PPP trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Các dự án của Ngành Văn hóa và Thể thao đang trong quá trình triển khai thực hiện, hoàn chỉnh trình cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định. Tuy nhiên, tất cả dự án thuộc lĩnh vực văn hóa – thể thao đều dừng thực hiện do Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 (*Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án*) không cho phép các dự án mới thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao được áp dụng thực hiện.

Đối với lĩnh vực thể thao, hiện nay nhiều công trình thể thao do Nhà nước quản lý (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi...) đã xuống cấp, trang thiết bị tập luyện cần được nâng cấp, sửa chữa. Đồng thời, nhiều dự án công trình thể thao chuyên nghiệp như Khu liên hiệp thể dục thể thao chưa được đầu tư mới, đúng mức. Trong điều kiện nguồn ngân sách nhà nước có giới hạn mà số lượng các di tích có tuổi đời lớn cần được tu bổ tôn tạo thì còn nhiều. Việc thiếu kinh phí đầu tư tu bổ di tích đã làm cho các công trình di tích xuống cấp nghiêm trọng ảnh hưởng đến việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích, và sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân. Việc tu bổ, phục hồi di tích đòi hỏi phải có nguồn kinh phí lớn. Do đó, việc bổ sung lĩnh vực văn hóa, thể thao được áp dụng đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) là cần thiết nhằm khai thác tốt nguồn lực xã hội hóa để cùng chung tay góp sức với Nhà nước phát huy tốt giá trị văn hóa, kinh tế thể thao trên địa bàn thành phố. Trong quá trình nghiên cứu, lập dự án, các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, xem xét kỹ các quy định nhằm đảm bảo phát huy giá trị văn hóa, phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao; đồng thời thực hiện đúng quy định về văn hóa,

thể thao theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp... Chính sách trên đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

12. Chính sách 12. Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (BT)

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Tạo điều kiện cho tỉnh Nghệ An có thể chủ động linh hoạt trong việc kêu gọi, triển khai các thủ tục nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước để có thể triển khai sớm các dự án các theo hình thức BT trong lĩnh vực phát triển hệ thống hạ kỹ thuật đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố Vinh.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Tỉnh Nghệ An được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Vinh. Quyết định thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện như đối với dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi thiết kế cơ sở được phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án BT.

- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án theo hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng. Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư dự án áp dụng loại hợp đồng BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án.

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sử dụng vốn ngân sách tỉnh, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT và giám sát việc thực hiện.

- Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, thời điểm thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 đã dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 101 của Luật. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do yêu cầu phát triển hệ thống hạ kỹ thuật đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Vinh nhưng trong điều kiện nguồn vốn ngân sách nhà nước hạn chế, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phân bổ nên khó khăn trong việc huy động các nguồn lực đầu tư. Mặt khác, chính sách trên đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

13. Chính sách 13. Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công để sớm đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư; khắc phục tình trạng chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng thực hiện không kịp thời.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

- Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân Tỉnh thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công quy định tại Điều này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư).

Đối với dự án nhóm B, nhóm C thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai đấu thầu... trước khi tổ chức thi công dự án. Trên thực tế, bản thân một số công việc này cũng mất rất nhiều thời gian (riêng công tác đấu thầu thường kéo dài từ 6-12 tháng đối với một dự án, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các gói thầu). Điều này dẫn đến 02 vấn đề: (1) Nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời hạn làm cho chất lượng không bảo đảm; (2) Quá trình thực hiện dự án quy định trong Luật không phản ánh được bản chất của việc thực hiện dự án trên thực tế khi mà một số công việc có tính chất chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án được đưa

vào thực hiện dự án.

Các vấn đề nêu trên càng nghiêm trọng hơn đối với các dự án nhóm B quy mô lớn (Luật Đầu tư công quy định dự án nhóm B có quy mô tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng), thường là các dự án có yêu cầu về giải phóng mặt bằng trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất (thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi) ... và hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án. Do đó, kiến nghị đề xuất tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để có thể triển khai nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

14. Chính sách 14. Phân cấp thẩm quyền giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi khu vực biển do tỉnh Nghệ An quản lý

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Tăng thẩm quyền giúp tỉnh Nghệ An rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục để thu hút các dự án nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi khu vực biển do tỉnh Nghệ An quản lý

b) Nội dung cơ chế, chính sách

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Nghệ An có đường bờ biển dài 82km, với nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển như diện tích vùng biển lớn (4.230 hải lý vuông mặt nước do địa phương quản lý), tổng trữ lượng thủy, hải sản các loại khoảng 80 nghìn tấn. Dọc bờ biển Nghệ An có 3.500 ha diện tích mặt nước lợi sử dụng cho việc nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, lưu vực các sông Lam, sông Hoàng Mai... tạo nên các vùng ao hồ, đầm phá với diện tích đạt 23.440 ha. Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi biển đóng vai trò đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Nghệ An. Diện tích nuôi biển của Việt Nam khoảng 8.000 m³ lồng (bao gồm: 3.800 m³ lồng nuôi cá biển; 4.600 m³ lồng nuôi tôm hùm) với tổng sản lượng gần 650 nghìn tấn/năm góp phần mang lại kim ngạch

xuất khẩu năm 2022 ước đạt 8.89 tỷ USD.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản vùng ven biển tỉnh Nghệ An năm 2023 đạt 6.676 ha, bằng 100,69 % so với năm 2020 và bằng 101 % so với năm 2018. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản vùng ven biển năm 2023 đạt 29.452 tấn, bằng 119,7 % so với năm 2020 và bằng 129,65 % so với năm 2018. Sản xuất giống mận, lợ có những biến chuyển tốt về quy trình sản xuất, tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng⁽³⁾. Công tác ứng dụng công nghệ cao vào nuôi trồng ngày càng được quan tâm và có những bước phát triển tốt. Việc ứng dụng khoa học công nghệ mới như công nghệ sinh học, nuôi nhiều giai đoạn, nuôi tuần hoàn,.. kết hợp với đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ở cả vùng nuôi và từng cơ sở nuôi (xây dựng hệ thống nhà kín, lồng nổi có mái che nhằm ổn định nhiệt, hạn chế sự lây lan mầm bệnh và những tác động khác gây ảnh hưởng đến sinh trưởng tôm nuôi,...) đã làm cho năng suất ngày càng được nâng cao. Để tạo điều kiện phát huy các tiềm năng lợi thế về biển của tỉnh Nghệ An, nên đề xuất thí điểm thực hiện chính sách phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh trong việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

Cơ chế chính sách trên hiện đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với tỉnh Khánh Hòa. Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

15. Chính sách 15. Áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi khu vực biển do tỉnh Nghệ An quản lý

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Tạo điều kiện giúp tỉnh Nghệ An thu hút các dự án nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi khu vực biển do tỉnh Nghệ An quản lý

a) Nội dung cơ chế, chính sách:

- Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm và giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian còn lại đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

⁽³⁾ Hiện nay trên địa bàn đã làm chủ công nghệ sản xuất, ương dưỡng giống các loại như: Tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cua, hàu, ngao và cá vược, hồng, mú, chim... dân địa phương Nghệ An trở thành trung tâm sản xuất các loại giống thủy sản của khu vực Bắc Miền Trung và các tỉnh phía Bắc.

- Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý;

- Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý.

- Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17%, miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý;

- Trong khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển, hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển;

- Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổ chức, cá nhân không được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b và điểm c khoản này trong trường hợp vi phạm các quy định về giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Hiện nay, chưa có quy định xác định cụ thể địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn đối với các khu vực biển của Nghệ An để nuôi trồng thủy sản. Theo đó, nếu áp dụng chế độ hiện hành thì thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động nuôi trồng thủy sản ngoài khơi của Nghệ An sẽ chỉ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 15% và việc miễn tiền thuê mặt nước cho thời hạn 11 năm. Theo đó, để khuyến khích các nhà đầu tư trong nước triển khai dự án đầu tư mới về nuôi trồng thủy sản xa bờ, chính sách này đề xuất phạm vi nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý có thể áp dụng mức ưu đãi như dự án đầu tư mới tại địa bàn đặc biệt khó khăn; từ 3-6 hải lý có thể áp dụng mức ưu đãi như dự án đầu tư mới địa bàn khó khăn. Việc đề xuất chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh

nghiệp, tiền thuê mặt nước nêu trên được áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân có dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển.

Đồng thời, nội dung chính sách cũng quy định rõ trường hợp doanh nghiệp đã được hưởng ưu đãi theo quy định tại chính sách này, trong quá trình thực hiện, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi đó. Trường hợp nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển không sử dụng đúng mục đích (như trường hợp lợi dụng đăng ký kinh doanh nuôi trồng thủy sản ngoài khơi để triển khai hoạt động thu mua hoặc các hoạt động đầu tư núp bóng và các hoạt động không phù hợp khác, lợi dụng trốn thuế,...), không tuân thủ các quy định pháp luật liên quan thì việc thu hồi Quyết định giao khu vực biển, Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án được thực hiện theo quy định của Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Thủy sản, Luật Đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Cơ chế chính sách trên hiện đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với tỉnh Khánh Hòa. Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

16. Chính sách 16. Phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Tăng thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An để chủ động quyết định một số nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Quyết định tổ chức bộ máy, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

- Căn cứ quy mô dân số, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn; quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn;

- Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt của tỉnh; quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức đối với người có trình độ cao phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của tỉnh.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Đề xuất tăng thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh để chủ động trong việc quyết định tổ chức bộ máy, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Vinh; quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn; quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy; quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt của tỉnh; quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức đối với người có trình độ cao phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển tại địa phương.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

17. Chính sách 17. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và được bổ sung thêm 01 (một) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Giúp địa phương giải quyết được những khó khăn, bất cập trong việc tổ chức bộ máy và biên chế, tạo điều kiện để tỉnh Nghệ An hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được bổ sung thêm 01 (một) phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh so với quy định hiện hành để phụ trách địa bàn vùng miền núi.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước (gần 16.500 km²) và dân số đứng thứ 04 cả nước (trên 3,4 triệu người); có đường biên giới dài 419 km trên bộ và đường bờ biển dài 82 km. Toàn tỉnh có 21 huyện, thành phố, thị xã (trong đó có 11 huyện, thị miền núi, núi cao) với hơn 510.000 người dân tộc thiểu số và nhiều tôn giáo đan xen (hơn 293.000 giáo dân). Tỉnh có địa hình đa dạng, thời tiết khắc nghiệt, lụt lội, lũ quét, hạn hán thường xuyên gây nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất, nhất là ở các địa phương miền núi. Miền Tây tỉnh Nghệ An có đường biên giới dài (giáp Lào) tiềm ẩn nhiều vấn đề an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Với đặc thù là địa phương có địa bàn vùng miền núi rộng lớn (trên 83% diện tích toàn tỉnh), địa hình chia cắt, hiểm trở nên cần bổ sung thêm 01 đồng chí phó chủ tịch để phụ trách chuyên về địa bàn vùng miền núi nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công việc, góp phần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An theo định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Đối với cơ chế, chính sách tương tự về phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện theo quy định của pháp luật; quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

18. Chính sách 18. Tổ chức bộ máy của chính quyền thành phố Vinh

a) Mục tiêu của cơ chế, chính sách

Cơ chế chính sách nhằm tăng biên chế bộ máy cho chính quyền thành phố Vinh, giúp thành phố giải quyết được những khó khăn, bất cập trong việc tổ chức bộ máy và biên chế, tạo điều kiện để thành phố Vinh hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao.

b) Nội dung cơ chế, chính sách

- Hội đồng nhân dân thành phố Vinh được thành lập 03 (ba) Ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Biên chế Hội đồng nhân dân thành phố Vinh có 08 cán bộ chuyên trách, trong đó có 02 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố.

- Ủy ban nhân dân thành phố Vinh có không quá 04 (bốn) phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn

Khoản 4 Điều 9 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: “*Chính phủ quy định cụ thể tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện*”. Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì UBND thành phố Vinh có 12 phòng chuyên môn trực thuộc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các ngành, lĩnh vực theo quy định. Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: Chính phủ quy định về số lượng các phó chủ tịch UBND cấp tỉnh. Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND, tỉnh Nghệ An được quy định có không quá 04 Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Khoản 3 Điều 53 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: “*3. Hội đồng nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương thành lập Ban pháp chế và Ban kinh tế - xã hội*”. Khoản 16 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 quy định thành phố thuộc tỉnh có 01 Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân. Khoản 1 Điều 55 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương loại I có không quá ba (03) Phó Chủ tịch.

Theo Đề án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Vinh và thành lập các phường trực thuộc, sau khi sáp nhập thị xã Cửa Lò và 04 xã của huyện Nghi Lộc thì Thành phố sẽ có diện tích 166,25 km², dân số 568.722 người; 36 đơn vị hành chính cấp xã..., đây sẽ là tiền đề để phát triển Thành phố trở thành đô thị văn minh, hiện đại, là trung tâm kinh tế, văn hóa của vùng Bắc Trung Bộ và là một trong những đô thị lớn của cả nước. Với yêu cầu nhiệm vụ, công việc ngày càng cao, đặc biệt sau mở rộng địa giới hành chính, Thành phố sẽ phát sinh nhiều nhiệm vụ trên các lĩnh vực như: Trật tự đô thị - xây dựng,

giao thông vận tải, du lịch - dịch vụ, khoa học công nghệ,... nên với số lượng phòng chuyên môn hiện tại chưa thể đáp ứng toàn diện công tác quản lý nhà nước trong tình hình mới và tạo bước tiến mạnh mẽ trong xây dựng và phát triển vượt trội thành phố Vinh. Do đó, cơ chế linh hoạt trong quản lý để địa phương chủ động thành lập mới các phòng chuyên môn trực thuộc UBND Thành phố nhằm thực hiện chức năng Quản lý nhà nước với những lĩnh vực, nhiệm vụ mới trên cơ sở đặc thù tình hình phát triển của thành phố Vinh.

Với cơ chế này, sẽ giúp cho địa phương chủ động trong công tác tổ chức bộ máy, đặc biệt là bộ máy chính quyền thành phố Vinh được tổ chức ưu việt và rõ ràng hơn, phù hợp với tình hình phát triển của Thành phố. Việc thành lập mới một số phòng trong giải quyết các nhiệm vụ trên các lĩnh vực hiệu quả hơn và thuận lợi cho việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức khi sáp nhập địa giới hành chính. Dự kiến, sau khi thành lập một số phòng chuyên môn mới thì sẽ nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực như: Quản lý đô thị - Xây dựng - Giao thông vận tải; Khoa học công nghệ, Du lịch, Dịch vụ... nhằm thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư, đóng góp vào tăng trưởng chung của tỉnh Nghệ An.

Mặt khác, cơ chế, chính sách tương tự đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023, cụ thể đối với Chính sách 1; Chính sách 3, mục a, b của Chính sách 2 (theo Điều 9); Chính sách 4 (theo Điều 10).

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành:

a) Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện Nghị quyết này và chỉ đạo các Bộ, cơ quan liên quan phối hợp với tỉnh Nghệ An xây dựng các văn bản hướng dẫn trong quá trình thực hiện (nếu cần thiết); ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp, giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển tỉnh Nghệ An. Mở rộng việc phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh so với các quy định hiện hành; tạo điều kiện cho tỉnh Nghệ An có đủ nguồn lực cần thiết để phát huy mọi tiềm năng, lợi thế phát triển tỉnh Nghệ An để thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong việc tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết.

c) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết của Quốc hội, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội;

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết của Quốc hội;

- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích quy định của Nghị quyết nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân; tăng sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.

d) Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Nghệ An và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

e) Tỉnh Nghệ An được tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Kinh phí để triển khai Nghị quyết bao gồm: kinh phí để xây dựng văn bản hướng dẫn Nghị quyết; kinh phí tổ chức triển khai Nghị quyết; kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; kinh phí theo dõi thi hành Nghị quyết; kinh phí thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; kinh phí phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết;...

- Nguồn kinh phí gồm: nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn vốn từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo Nghị quyết vào kỳ họp gần nhất của Quốc hội khóa XV trong năm 2024.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi kèm Tờ trình này các tài liệu theo quy định tại Điều 3 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

(1) Báo cáo đánh giá tác động của các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An;

(2) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan;

(4) Đề cương dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

Trên đây là nội dung cơ bản đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (kèm tài liệu);
- Bộ Tư pháp - để thẩm định (kèm tài liệu);
- Bộ KHĐT: Vụ PC;
- Lưu: VT, KTĐPLT (L₄₀).

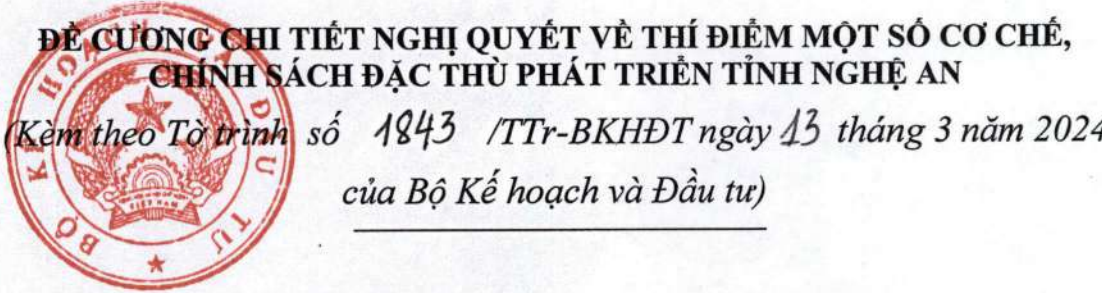
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



*** Trần Duy Đông**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2024/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
PHÁT TRIỂN TỈNH NGHỆ AN

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường; quản lý đầu tư; phát triển kinh tế biển; tổ chức bộ máy và biên chế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước

1. Chính sách phí, lệ phí được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định áp dụng trên địa bàn: phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%;

b) Ngân sách tỉnh được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh; các khoản thu này không dùng không dùng để xác định số bổ sung cân đối ngân sách và số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh;

c) Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh quy định tại điểm a khoản này phải bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của tỉnh Nghệ An; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều kiện được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với huyện Nam Đàn và các huyện nghèo khu vực miền Tây Nghệ An. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước và nước ngoài; cho phép các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các địa phương khác của tỉnh Nghệ An trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ an sinh xã hội và trong các trường hợp cần thiết khác.

3. Cho phép tỉnh Nghệ An được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, hàng không hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện.

4. Cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản

xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An.

5. Cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An.

Điều 4. Quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường

1. Khai thác, phát triển quỹ đất đô thị

a) Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận tiếp giáp các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch và quy định pháp luật; được sử dụng ngân sách địa phương để bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất vùng phụ cận của dự án được thu hồi để phục vụ tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch đối với khu vực dự kiến thu hồi; quyết định mật độ xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng khác quy chuẩn xây dựng khu vực thuộc phạm vi vùng phụ cận.

2. Sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Cho phép tỉnh Nghệ An được giữ lại và sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thu từ các dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh không có điều kiện tự trồng rừng thay thế phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để thực hiện biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; phát triển giống cây lâm nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng; phát triển nguồn sinh thủy.

b) Việc sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải đảm bảo nguyên tắc diện tích rừng thay thế tối thiểu phải bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng rừng tự nhiên.

3. Kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng, giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thí điểm thực hiện dự án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An là chủ sở hữu và được quyền chuyển nhượng, mua bán, trao đổi đối với lượng giảm phát thải khí nhà kính (từ hoạt động hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

c) Tín chỉ các-bon hình thành từ dự án do UBND tỉnh xây dựng sẽ được UBND tỉnh giao dịch với các nhà đầu tư trong nước, quốc tế. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn tỉnh cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.

d) Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách tỉnh được hưởng 100%.

4. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.

Điều 5. Quản lý đầu tư

1. Phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

2. Thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP)

a) Ngoài các lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Luật PPP, tỉnh Nghệ An được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP quy định tại điểm a,

khoản 2 điều này do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định.

3. Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (BT)

a) Tỉnh Nghệ An được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Vinh. Quyết định thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện như đối với dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi thiết kế cơ sở được phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án BT

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án theo hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng. Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư dự án áp dụng loại hợp đồng BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sử dụng vốn ngân sách tỉnh, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT và giám sát việc thực hiện.

e) Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, thời điểm thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

4. Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

a) Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ

trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

b) Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân Tỉnh thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan

c) Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

d) Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công quy định tại Điều này.

Điều 6. Phát triển kinh tế biển

1. Phân cấp thẩm quyền giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi khu vực biển do tỉnh Nghệ An quản lý

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Tỉnh giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

2. Áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư

a) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm và giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian còn lại đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

b) Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý;

c) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý.

d) Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17%, miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý;

e) Trong khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển, hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển;

g) Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

h) Tổ chức, cá nhân không được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b và điểm c khoản này trong trường hợp vi phạm các quy định về giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Về tổ chức bộ máy và biên chế

1. Phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tổ chức bộ máy, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

b) Căn cứ quy mô dân số, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn; quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn;

c) Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt của tỉnh; quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức đối với người có trình độ cao phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền sau đây:

a) Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được bổ sung thêm 01 (một) phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh so với quy định hiện hành để phụ trách địa bàn vùng miền núi.

3. Tổ chức bộ máy của chính quyền thành phố Vinh

a) Hội đồng nhân dân thành phố Vinh được thành lập 03 (ba) Ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Biên chế Hội đồng nhân dân thành phố Vinh có 08 cán bộ chuyên trách, trong đó có 02 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Ủy ban nhân dân thành phố Vinh có không quá 04 (bốn) phó chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm....; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm

b) Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với tỉnh Nghệ An cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho tỉnh Nghệ An;

c) Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp, giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển tỉnh Nghệ An. Mở rộng việc phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh so với các quy định hiện hành.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành danh mục, mức, tỷ lệ phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều

3 của Nghị quyết này;

b) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật;

b) Đối với những vấn đề có nội dung khác, chưa được quy định trong luật và Nghị quyết của Quốc hội, để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược, huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách trình Quốc hội xem xét, quyết định; trong thời gian giữa hai kỳ họp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Việc xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa chính sách quy định tại điểm này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024. Riêng khoản 1 Điều 5 về phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất./.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024.

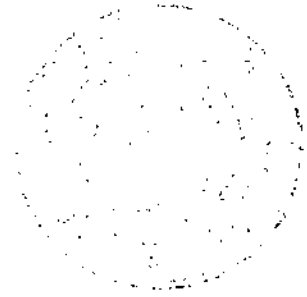
**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
ĐỐI VỚI HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ THÍ ĐIỂM BỔ SUNG MỘT SỐ
CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC PHÙ PHÁT TRIỂN TỈNH NGHỆ AN**

(Kèm theo Tờ trình số **1843** /TTr-BKHĐT ngày **13** tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



PHẦN I
CÁC Ý KIẾN THỐNG NHẤT VỀ
SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

TT	Cơ quan	Nội dung góp ý
1	Bộ Ngoại giao (Công văn số 905/BNG-THKT ngày 23/02/2024)	Thống nhất đề nghị ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.
2	Bộ Nội vụ (Công văn số 846/BNV-CQĐP ngày 21/02/2024)	Thống nhất về sự cần thiết xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các mục tiêu, quan điểm, một số nội dung nêu trong Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An.
3	Bộ Tư pháp (Công văn số 1018/BTP-PLDSKT ngày 01/3/2024)	Ngày 18/7/2023, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 162/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; theo



TT	Cơ quan	Nội dung góp ý
		<p>đó, tại mục VI. 2 phụ lục I về nhiệm vụ, đề án cụ thể Chương trình hành động của Chính phủ đã giao “<i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Nghệ An, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành</i>”. Bên cạnh đó, theo thông tin nêu tại dự thảo Đề án (mục II, trang 17 đến trang 21), việc thực hiện Nghị quyết số 36/2021/QH15 trong thời gian qua đã gặp phải những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Do đó, việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An là cần thiết và đúng với nhiệm vụ được giao.</p>
4	Bộ Tài chính (Công văn số 2286/BTC-NSNN ngày 05/3/2024)	<p>Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Tài chính nhất trí với sự cần thiết việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành.</p>
5	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 1443/BTNMT-KHTC ngày 08/3/2024)	<p>Thông nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết.</p>
6	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1085/BNN-KH ngày 16/02/2024)	<p>Thông nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết.</p>
7	Bộ Xây dựng (Công văn số 855/BXD-PTĐT ngày 01/3/2024)	<p>Bộ Xây dựng cơ bản thông nhất đối với đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết</p>

TT	Cơ quan	Nội dung góp ý
		số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.
8	Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch (Công văn số 727/BVHTTDL-KHTC ngày 27/02/2024)	Thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết.
9	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Công văn số 1085/BNN-KH ngày 16/02/2024)	Nhất trí việc xây dựng cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/11/2023 của Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
10	Bộ Thông tin và Truyền thông (Công văn số 502/BTTTT-VCL ngày 04/02/2024)	Thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết.
11	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 427/BKH-CN-ĐP ngày 07/02/2024)	Bộ Khoa học và Công nghệ cơ bản thống nhất với đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.
12	Bộ Công an (Công văn số 663/BCA-ANKT ngày 28/02/2024)	Các nhóm lĩnh vực và chính sách trong dự thảo Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An đã bám sát định hướng phát triển tỉnh Nghệ An theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

TT	Cơ quan	Nội dung góp ý
13	Bộ Quốc phòng (Công văn số 504/BQP-TM ngày 07/02/2024)	Cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Đề án Bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/07/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do UBND tỉnh Nghệ An đề xuất
14	Bộ Công Thương (Công văn số 1294/BCT-KHTC ngày 29/02/2024)	Việc tỉnh Nghệ An xây dựng Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An là cần thiết nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, góp phần quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 - Về tổng thể, đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An được xây dựng phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/07/2023 của Bộ Chính trị.
15	Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 2041/BGTVT-ANKT ngày 28/02/2024)	Bộ Giao thông vận tải cơ bản thống nhất với quan điểm, mục tiêu, các nhóm chính sách dự kiến trong đề xuất Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An kèm theo các văn bản nêu trên.
16	Bộ Y tế (Công văn số 727/BVHTTDL-KHTC ngày 27/02/2024)	Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An nghiên cứu và đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù về y tế để phát triển “thành phố Vinh trở thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ” theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đạt được các mục tiêu và phương án phát triển lĩnh vực y tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định

TT	Cơ quan	Nội dung góp ý
		số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
17	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 716/BGDĐT-KHTC ngày 29/02/2024)	Thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết.
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 1113/NHNN-TD ngày 07/02/2024)	Nghị quyết 162/NQ-CP ngày 4/10/2023 của Chính phủ về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045, Chính phủ không giao nhiệm vụ cụ thể cho Ngân hàng Nhà nước nhằm triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án cụ thể tại phụ lục đính kèm Nghị quyết 162/NQ-CP; Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An không đề xuất về cơ chế, chính sách liên quan đến ngành ngân hàng. Do vậy, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không có ý kiến tham gia bổ sung đối với các đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An

PHẦN II

CÁC Ý KIẾN GÓP Ý VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
A	GÓP Ý CHUNG		
1	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trình Quốc hội ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tuân thủ đầy đủ các thủ tục, trình tự soạn thảo văn bản theo quy định tại mục 2 Chương III Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020), đề hoàn thiện Hồ sơ theo khoản 2 Điều 58 gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.
2	Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An nghiên cứu, tổ chức khảo sát, đánh giá tác động đảm bảo tính khách quan, toàn diện giữa phát triển KT-XH với quốc phòng, an ninh; có cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển khu vực biên giới, tạo điều kiện cho người dân đã di cư tự do có nơi cư trú hợp pháp, sinh kế bền vững, có đất sản xuất, được tiếp cận dịch vụ cơ bản và bảo đảm an sinh xã hội theo quan điểm của Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; hạn chế thấp nhất về việc điều chỉnh phương an phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài	Bộ Quốc phòng	Tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng, Hồ sơ đã được rà soát, bổ sung báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách trong hồ sơ đề xuất. Về cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển khu vực biên giới, tạo điều kiện cho người dân đã di cư tự do theo quan điểm tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ: Tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đã có ý kiến sẽ nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	chính, ngân sách Nhà nước 3 năm 2024-2026 đã được Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ		
3	Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An nghiên cứu và đề xuất bổ sung cơ chế chính sách đặc thù về y tế để phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và đạt được các mục tiêu và phương án phát triển lĩnh vực y tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh Nghệ An tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023.	Bộ Y tế	Tiếp thu ý kiến của Bộ Y tế, UBND tỉnh Nghệ An xin giải trình như sau: Tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đã có ý kiến sẽ tiếp phối hợp với Bộ Y tế rà soát, nếu có kiến nghị chính sách cụ thể và phù hợp, UBND tỉnh sẽ tiếp thu để tổng hợp, đề xuất.
4	Đối với các cơ chế, chính sách đặc thù chưa được áp dụng thí điểm cho tỉnh, thành phố nào và khác với quy định pháp luật hiện hành đề nghị rà soát làm rõ nhưng vấn đề bắt cấp hiện hành, mục tiêu chính sách, giải pháp thực hiện để bảo đảm tính khả thi và đánh giá tác động cụ thể	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Hồ sơ đã được rà soát và bổ sung Báo cáo đánh giá tác động cụ thể đối với từng chính sách
5	Bổ sung đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 36/2021/NQ-QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, các nội dung tiếp tục thực hiện, phát huy hiệu quả; các nội dung thực hiện còn bất cập; bổ sung bối cảnh mới trong xây dựng các cơ chế chính sách cho địa phương.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu ý kiến. Hồ sơ đã bổ sung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 36/2021/NQ-QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết.
6	Về tổng thể, đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An được xây dựng phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 26- NQ/TW của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/07/2023 của Bộ Chính trị.	Bộ Công Thương	

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
7	<p>Đề nghị Ban soạn thảo cần nghiên cứu, rà soát các nội dung đề đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai mới được ban hành. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đặc thù để phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo trên địa bàn tỉnh (nếu phù hợp); đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, địa phương cũng như các quy hoạch ngành quốc gia và các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành có liên quan do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p>	<p>Bộ Công Thương</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương, các cơ chế, chính sách đã được rà soát để bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật nói chung và Luật Đất đai mới được ban hành nói riêng theo nguyên tắc chỉ đề xuất các chính sách đặc thù khác với quy định pháp luật hiện hành hoặc luật hiện hành chưa quy định và thuộc thẩm quyền của Quốc hội.</p>
8	<p>Với 05 nhóm cơ chế, chính sách đặc thù tỉnh Nghệ An đề xuất (quản lý tài chính và ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường; quản lý đầu tư; phát triển kinh tế biển; tổ chức bộ máy và biên chế) không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao nên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không có ý kiến góp ý.</p>	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</p>	
9	<p>Đề nghị rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, môi trường cho tỉnh Nghệ An. Bổ sung nội dung “Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách chung về môi trường thực hiện trên phạm vi cả nước; không có chính sách môi trường riêng cho tỉnh Nghệ An”.</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết chỉ đề xuất thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng cho tỉnh Nghệ An nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.</p>
10	<p>Một số chính sách đề xuất tương tự một số tỉnh đã ban hành. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, mỗi tỉnh sẽ có tính đặc thù riêng. Do đó, việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù tương tự như một số tỉnh nêu trên cần được nghiên cứu, đánh giá thật kỹ, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc thù riêng của mỗi tỉnh. Do đó, đề nghị rà soát các chính sách cụ thể, phù hợp với đặc thù riêng để phát triển của tỉnh Nghệ An cho phù hợp, khả thi.</p>	<p>Bộ Tư pháp</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Hồ sơ đã rà soát các chính sách tương tự với một số tỉnh, thành phố đã được ban hành để đề xuất trên cơ sở bảo đảm tính phù hợp, khả thi với điều kiện thực tế của tỉnh Nghệ An</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
11	<p>Một số chính sách mới chưa được áp dụng tại tỉnh nào hiện nay nhưng chưa được đánh giá tác động đầy đủ, rõ ràng, chưa có đầy đủ cơ sở đề xuất. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 35) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) (Điều 5, 6, 7), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động chính sách một cách đầy đủ, cơ sở, lý do, sự cần thiết bổ sung các chính sách mới, từ đó đề xuất chính sách cho phù hợp.</p>	Bộ Tư pháp	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Hồ sơ đã bổ sung bổ sung Báo cáo đánh giá tác động cụ thể đối với từng chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết
12	<p>Đề nghị Ban Soạn thảo xem xét việc nghiên cứu, đề xuất bổ sung cơ chế đặc thù để phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa, hình thành các không gian sáng tạo để tạo điều kiện triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016) và Đề án Tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017).</p>	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp thu ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngoài các chính sách đối với lĩnh vực văn hóa đã đề xuất trong Đề án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, UBND tỉnh Nghệ An sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền Chính phủ để phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa.
13	<p>Để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu trong Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Nghệ An, ngành du lịch tỉnh Nghệ An cần được quan tâm và có những cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực phát triển. Do đó, đề nghị xem xét, nghiên cứu, lồng ghép lĩnh vực du lịch trong các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trong Đề án.</p>	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp thu ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Nghệ An đã rà soát nhưng hiện chưa có chính sách phù hợp đối với lĩnh vực du lịch để đề xuất trong Đề án. Nội dung này tỉnh sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền Chính phủ

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
14	Đối với các văn bản trích dẫn, đề nghị rà soát khi nêu tên văn bản lần đầu, cần ghi rõ loại và số, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành và tên của văn bản (trừ luật, pháp lệnh); trong các lần tiếp theo chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp thu ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hồ sơ đã được rà soát và chỉnh sửa để bảo đảm theo đúng quy định về thể thức văn bản
B	GÓP Ý CÁC CHÍNH SÁCH CỤ THỂ		
I	Nhóm Tài chính – Ngân sách		
1	Chính sách 1. Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.		Tiếp thu ý kiến các bộ, ngành liên quan, sau khi rà soát lại, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này do không bảo đảm tính hiệu quả và khả thi trong thực hiện.
2	Chính sách 2. Thí điểm thực hiện một số chính sách phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh chưa được quy định, điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.		
	Theo quy định tại Luật Phí và lệ phí thì Quốc hội quy định Danh mục phí và lệ phí. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề xuất này tương tự với chính sách đã được Quốc hội quy định áp dụng đối với một số địa phương trong thời gian qua (như Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính thống nhất chính sách đề xuất. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Hồ sơ đã được rà soát và tiếp tục phối hợp với các địa phương đã được ban hành chính sách để nghiên cứu triển khai thực hiện bảo đảm phát huy hiệu quả chính sách sau khi được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>Hóa,...). Vì vậy, Bộ Tài chính nhất trí với đề xuất của Tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện tại các địa phương chưa phát huy được hiệu quả chính sách (như tại Thành phố Hồ Chí Minh qua 05 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố mới ban hành văn bản điều chỉnh tăng 01 khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Đề nghị tỉnh Nghệ An căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo môi trường đầu tư, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành có liên quan để quyết định, do Nghệ An là tỉnh có dân số đông, nhiều huyện miền núi, đời sống nhân dân còn khó khăn; vì vậy, đề nghị cân nhắc để đảm bảo phát huy hiệu quả trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng đề xuất chính sách khi được ban hành nhưng không triển khai hiệu quả.</p>		
3	<p>Chính sách 3. Ngân sách địa phương được hưởng 50% nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô cho để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ địa phương</p>		<p>Tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này.</p>
	<p>Trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Quốc hội về phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2024. Tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024 đã quy định giao Chính phủ: “<i>Quy định cụ thể việc thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý. Tiếp tục thu 100% nguồn thu này các năm 2024, 2025 về ngân sách trung ương và thực hiện phân chia tương ứng 65% số thu cho ngân sách trung ương và bố trí dự toán ngân</i></p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ đã rà soát và không đề xuất chính sách này.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tương ứng 35% số thu để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Phương án phân bổ tương ứng 35% số thu để bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ ở địa phương do Bộ Giao thông vận tải chủ trì xác định theo các tiêu chí: chiều dài đường bộ của địa phương, số xe ô tô quy tiêu chuẩn đăng ký tại địa phương và hệ số khó khăn về nguồn thu của từng địa phương. Do Nghệ An là địa phương có diện tích lớn nhất cả nước, các tuyến đường tỉnh, huyện, giao thông nông thôn còn nhiều yếu kém, nguồn kinh phí của Tỉnh để bảo trì đường bộ còn thấp. Vì vậy, đề xuất chính sách của Tỉnh là cần thiết; tuy nhiên, đề nghị Tỉnh làm việc với Bộ Giao thông vận tải tính khả thi thực hiện để báo cáo cấp có thẩm quyền.</p>		
	<p>Hiện nay, tỷ lệ phân chia thu hưởng nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ giữa trung ương và địa phương là 65% (trung ương) và 35% (địa phương) không nằm trong quy định của Luật Giao thông đường bộ. Vì vậy, đề nghị kiểm tra, rà soát, trường hợp nếu chỉ quy định tại các Nghị định của Chính phủ thì không đưa chính sách này vào Đề án (chỉ đưa các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội).</p>	<p>Bộ Giao thông vận tải</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ đã rà soát và không đề xuất chính sách này.</p>
4	<p>Chính sách 4. Cho phép các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với huyện Nam Đàn và các huyện nghèo khu vực miền Tây Nghệ An. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước và nước ngoài; cho</p>		<p>Chính sách giữ nguyên và có chỉnh sửa lại</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>phép các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các địa phương khác của tỉnh Nghệ An trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ an sinh xã hội và trong các trường hợp cần thiết khác.</p>		
	<p>Theo quy định tại khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước: “<i>Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng</i>”. Như vậy, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, thì các địa phương không được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ địa phương khác và không được sử dụng ngân sách của cấp huyện này để chi hỗ trợ cho nhiệm vụ của cấp huyện khác.</p> <p>Quy định nêu trên trong thực tế còn nhiều bất cập nên Quốc hội đã cho phép thí điểm tại một số địa phương (Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Khánh Hòa). Vì vậy, Bộ Tài chính nhất trí với đề xuất của Tỉnh.</p>	Bộ Tài chính	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, dự thảo chính sách được rà soát và chỉnh sửa lại như sau:</p> <p><i>"Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều kiện được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với huyện Nam Đàn và các huyện thuộc khu vực miền núi tỉnh Nghệ An. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước và nước ngoài; cho phép các huyện, thành phố, thị xã có điều kiện trong tỉnh được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các địa phương khác của tỉnh Nghệ An trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ an sinh xã hội và trong các trường hợp cần thiết khác"</i>.</p>
	<p>Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định nội dung chi viện trợ của ngân sách Trung ương cho các Chính phủ, tổ chức ngoài nước, chưa cho phép chi ngân sách địa phương cho hỗ trợ, viện trợ địa phương nước ngoài. Tuy nhiên, trên cơ sở yêu cầu chính trị, đối ngoại, trường hợp cần đề xuất cơ</p>	Bộ Ngoại giao	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, Hồ sơ đã được bổ sung báo cáo đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề xuất.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	chế đặc thù đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung đánh giá tác động chính sách và sự cần thiết theo nhu cầu thực tiễn.		
5	Chính sách 5. Cho phép tỉnh Nghệ An hưởng 100% nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, hàng không hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.		Chính sách giữ nguyên và có chỉnh sửa lại
-	Nội dung chính sách không phù hợp điều 35, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015	Bộ Thông tin và Truyền thông	Với mục tiêu tạo điều kiện cho tỉnh Nghệ An được bổ sung nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ các cơ sở kinh doanh dịch vụ hạch toán phụ thuộc của các doanh nghiệp ngoại tỉnh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc chi nhánh, cơ sở kinh doanh phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa bàn nào thì thực hiện kê khai và nộp thuế tại địa bàn đó, dự thảo chính sách khác quy định hiện hành và đề xuất Chính phủ trình Quốc hội cho phép thí điểm chính sách để phát triển tỉnh Nghệ An đạt mục tiêu Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.
-	a) Về phân chia thuế: Tại khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “ <i>Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể</i> ” và tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “ <i>Đối với khoản thu tiền sử</i>	Bộ Tài chính	Trên cơ sở ý kiến Bộ Tài chính, dự thảo chính sách đã được rà soát và xin được giải trình thêm như sau: Tỉnh Nghệ An có địa bàn rộng, số lượng các chi nhánh, đơn vị kinh doanh dịch vụ khá lớn, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông... Tuy nhiên, do quy định hiện hành nên các đơn vị kinh doanh các lĩnh vực dịch vụ nêu trên

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p><i>dung đất và xô số kiến thiết không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.” Như vậy, chỉ có khoản thu tiền sử dụng đất và xô số kiến thiết là gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, các khoản thu còn lại được tổng hợp vào cân đối chung ngân sách nhà nước. Đồng thời tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước quy định thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.</i></p> <p>b) Về quản lý thuế:</p> <p>Tại điểm b, khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: “<i>Chính phủ quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp sau đây: ...)</i> Người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn,..”.</p> <p>Tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định: “<i>Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Đồng thời, người nộp thuế phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính”</i>”.</p>		<p>không thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại bàn hoạt động. Do đó, để bảo đảm tính hài hòa về lợi ích và trong điều kiện cần bổ sung thêm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, UBND tỉnh Nghệ An kính đề nghị cho phép áp dụng thí điểm chính sách này đối với tỉnh Nghệ An bảo đảm tính chất là cơ chế, chính sách đặc thù. Mặt khác, về lâu dài chính sách này có thể áp dụng đối với các địa phương khác trong cả nước theo nguyên tắc doanh nghiệp hoạt động ở địa bàn nào thì thực hiện kê khai và đóng thuế thu nhập tại địa bàn đó.</p> <p>Để bảo đảm tính khả thi trong thực hiện, dự thảo chính sách đề xuất chỉnh sửa lại nội dung chính sách như sau:</p> <p><i>“Cho phép tỉnh Nghệ An được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, hàng không hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện.”</i></p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>Tại Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế quy định các trường hợp được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp, gồm: “a) Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán; b) Hoạt động chuyển nhượng bất động sản; c) Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất; d) Nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh.” Như vậy, đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, hàng không, viễn thông không được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa phương nơi có cơ sở kinh doanh dịch vụ hoạt động. Từ tình hình trên, đề nghị Tỉnh thực hiện theo đúng quy định hiện hành.</p>		
6	<p>Chính sách 6. Cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An</p>		Chính sách giữ nguyên
-	<p>a) Về việc xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:</p> <p>Tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước quy định: Đối với khoản thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Như vậy, chỉ có khoản thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết là gắn với</p>	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính thống nhất với chính sách đề xuất

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>nhiệm vụ chi cụ thể, các khoản thu còn lại được tổng hợp vào cân đối chung ngân sách nhà nước.</p> <p>b) Về số vượt thu của ngân sách trung ương:</p> <p>Tại Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%: Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện; Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu”.</p> <p>Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định “Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện nộp 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương, đối với Giấy phép do Trung ương cấp”.</p> <p>Tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An quy định: “Hàng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Nghệ An không quá 70% số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao”. Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, đối với nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn Tỉnh được cân đối chung để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; nguồn vượt thu từ khoản tiền cấp quyền khai thác</p>		

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp được tổng hợp chung trong tổng số thu ngân sách trung ương được hưởng. Riêng đối với tăng thu thuế bảo vệ môi trường từ hoạt động xuất, nhập khẩu đã được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội.</p> <p>Tuy nhiên, để tỉnh có thêm nguồn lực để phát triển, đặc biệt là vùng Tây Nghệ An là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, nhất là công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh và đối ngoại của tỉnh Nghệ An, cơ sở hạ tầng còn yếu kém và thiếu thốn, Bộ Tài chính nhất trí trình cấp có thẩm quyền cho phép tỉnh Nghệ An được loại trừ số thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn vùng Tây Nghệ An khi xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và cho phép ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu của ngân sách trung ương so với dự toán từ khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp tại địa bàn vùng Tây Nghệ An.</p>		
7	<p>Chính sách 7. Cho phép Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh). Khoản thu trên không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho</p>		<p>Dự thảo chính sách được tiếp thu, chỉnh sửa như sau: “<i>Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh. Khoản thu trên không dùng để</i></p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	ngân sách địa phương		<i>xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương”.</i>
	Đề nghị sửa đổi nội dung “tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp” thành “tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự thảo chính sách được chỉnh sửa như sau: “ <u>Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh. Khoản thu trên không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương”.</u>
II	Nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường		
1	Chính sách 1. Quản lý quy hoạch đô thị: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ		Tiếp thu ý kiến các bộ, ngành liên quan, sau khi rà soát lại, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này.
	Theo đó nội dung dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã đề xuất phân cấp mạnh về thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại II trở xuống thuộc UBND cấp	Bộ Xây dựng Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	tính. Tại khoản 2 Điều 37 dự thảo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn đã dự kiến phân cấp cho UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị loại III		
2.	Chính sách 2. Cơ chế, chính sách khai thác, phát triển quỹ đất đô thị: Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận đối với các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh với khoảng cách tối đa 45m ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch và quy định pháp luật; được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất vùng phụ cận của dự án được thu hồi để phục vụ tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ		Chính sách giữ nguyên và có chỉnh sửa lại
	Bộ GTVT cơ bản thống nhất với nội dung chính sách này, tuy nhiên để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện, phát huy hiệu quả cao nhất của nguồn lực từ quỹ đất, đề nghị: (1) không quy định khoảng cách tối đa 45m để tạo tính linh hoạt, chủ động khi thực hiện; (2) cho phép UBND tỉnh Nghệ An được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch khu vực dự kiến thu hồi, được quyết định mật độ xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng khác quy chuẩn xây dựng.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, dự thảo chính sách được chỉnh sửa như sau: “1. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận đối với các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch và quy định pháp luật; được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất vùng phụ cận của dự án được thu hồi để phục vụ tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ. 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch khu vực dự kiến thu hồi; được quyết định mật độ xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
			<i>khác quy chuẩn xây dựng khu vực thuộc phạm vi dự án và vùng phụ cận”.</i>
	<p>- Tại khoản 49 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 quy định: “49. Vùng phụ cận là vùng đất tiếp giáp với các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển theo quy hoạch.”</p> <p>- Tại khoản 26 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực ngày 01/01/2025 quy định: “26. Dự án vùng phụ cận các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển”.</p> <p>Ngoài ra, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2024 liên quan đến trình tự thu hồi đất dự kiến sẽ phân cấp cho chính quyền địa phương quy định cụ thể. Do đó, đề nghị xem xét lại việc cần thiết phải quy định thí điểm đối với nội dung trên vì nội dung này đã có quy định cụ thể Dự án vùng phụ cận thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.</p> <p>Trường hợp, vẫn thực hiện thí điểm đối với nội dung trên đề nghị nghiên cứu nội dung liên quan cần được xem xét, sửa đổi để phù hợp với Luật Đất đai năm 2024.</p>	BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, giải trình bổ sung của UBND tỉnh Nghệ An, Ban soạn thảo xin được giải trình thêm như sau:</p> <p>Mặc dù Luật Đất đai sửa đổi đã có quy định các trường hợp thu hồi đất, trong đó có áp dụng đối với “<i>Dự án vùng phụ cận các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển</i>”. Tuy nhiên, Luật chưa quy định cụ thể mục đích dự án, cấp quyết định dự án và nguồn vốn để thực hiện thu hồi đất dự án vùng phụ cận; mặt khác, tại thời điểm thu hồi đất chưa hình thành dự án vùng phụ cận tiếp giáp các tuyến giao thông nên sẽ vướng mắc trong quá trình thực hiện. Do vậy, UBND tỉnh đề xuất cho phép thực hiện thí điểm chính sách trên, trong đó quy định rõ các nội dung để tạo cơ sở pháp lý và sự chủ động cho địa phương trong quá trình thực hiện. Mặt khác, tiếp thu ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh đã đề xuất thêm nội dung: Cho phép Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch khu vực dự kiến thu hồi; được quyết định mật độ xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng khác quy chuẩn xây dựng khu vực thuộc phạm vi dự án và vùng phụ cận. Nội dung này cũng khác với quy định Luật hiện hành. Do vậy, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị cho phép áp dụng thí điểm</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
			chính sách trên sau khi đã chỉnh sửa lại nội dung để bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện.
3	Chính sách 3. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Ủy quyền cho HĐND tỉnh Nghệ An quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 500 ha; rừng sản xuất dưới 1000 ha sang mục đích khác đảm bảo phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Tiếp thu ý kiến các bộ, ngành liên quan, sau khi rà soát lại, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này.
-	Ngày 18/01/2024, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Đất đai năm 2024; trong đó, Khoản 5 Điều 248 về sửa đổi, bổ sung Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Theo đó, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trong phạm vi được phân cấp, trao quyền. Do đó, không cần thiết quy định về cơ chế, chính sách đặc thù đối với lĩnh vực này cho tỉnh Nghệ An.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này.
-	Đề nghị rà soát, tuân thủ các nội dung liên quan của Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản pháp luật liên quan; rà soát, bảo đảm thống nhất với Quy	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đề nghị không đề xuất chính sách này.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.		
4	<p>Chính sách 4. Sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</p> <p>Cho phép tỉnh Nghệ An được giữ lại và sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thu từ các dự án phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh không có điều kiện tự trồng rừng thay thế phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để thực hiện biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; phát triển giống cây lâm nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.</p>		Chính sách giữ nguyên và có chỉnh sửa
-	Trong các mục đích cho phép tỉnh thực hiện, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung mục đích “phát triển nguồn sinh thủy	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự thảo đã bổ sung mục đích “ <i>phát triển nguồn sinh thủy</i> ” trong nội dung chính sách.
5	<p>Chính sách 5. Thí điểm thực hiện Dự án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế.</p>		Chính sách giữ nguyên và có chỉnh sửa lại
-	Đề nghị bổ sung làm rõ quan điểm, mục tiêu của chính sách và giải pháp thực hiện đảm bảo khả thi.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Hồ sơ đã được rà soát và bổ sung các nội dung về quan điểm, mục tiêu của chính sách và giải pháp trong Đề án và Báo cáo đánh giá tác động của Chính sách.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>a) Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu và được quyền chuyển nhượng, mua bán, trao đổi đối với lượng giảm phát thải khí nhà kính (từ hoạt động hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p> <p>Ý kiến: Cần làm rõ loại rừng là rừng thuộc sở hữu nhà nước hay tư nhân và cần thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xin bổ sung giải trình như sau:</p> <p>Đối tượng rừng để thực hiện quyền chuyển nhượng, mua bán, trao đổi đối với lượng giảm phát thải khí nhà kính chủ yếu là rừng tự nhiên. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp quy định: “Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân bao gồm: a) Rừng tự nhiên; b) Rừng trồng do Nhà nước đầu tư toàn bộ; c) Rừng trồng do Nhà nước thu hồi, được tặng cho hoặc trường hợp chuyển quyền sở hữu rừng trồng khác theo quy định của pháp luật”. Do vậy, loại rừng là rừng thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Điều 7 Luật Lâm nghiệp nêu trên.</p>
	<p>b) Tín chỉ các-bon hình thành từ dự án do UBND tỉnh xây dựng sẽ được UBND tỉnh giao dịch với nhà đầu tư trong nước, quốc tế. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.</p> <p>Ý kiến: Do đây là chính sách kinh doanh tín chỉ các-bon rừng nên đề nghị điều chỉnh thành “UBND tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon”.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự thảo chính sách được chỉnh sửa như sau: “UBND tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon”.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	c) Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách tỉnh được hưởng 100%. Đề nghị có sự thống nhất của Bộ Tài chính.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nội dung chính sách đã được Bộ Tài chính cho ý kiến và dự thảo đã giải trình, tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính.
	<p>Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thoả thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, trong đó đối tượng áp dụng bao gồm cơ quan nhà nước, chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ rừng tự nhiên thuộc tỉnh Nghệ An. Theo đó, tỉnh Nghệ An cũng là đối tượng được tham gia thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ rừng. Ngân hàng thế giới đã thực hiện chi trả hơn 40 triệu USD cho kết quả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ và chuyển Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng chi trả cho các bên liên quan và các tỉnh. Do đó, đề nghị có thêm đánh giá về kết quả thực hiện thí điểm tại Nghị định 107/2022/NĐ-CP của Chính phủ và việc chi trả từ nguồn thu chuyển nhượng tín chỉ các-bon cho Ngân hàng Thế giới được phân bổ về địa phương.</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có hướng dẫn về dịch vụ môi trường rừng quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp (hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh); trong đó, có nội dung về thí điểm chi trả dịch</p>	Bộ Tài chính	<p>(1) Về nội dung rà soát đánh giá kết quả thực hiện Nghị định 107/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An giải trình đã chỉ đạo Hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện chi trả theo tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP của Chính phủ và ban hành Kế hoạch triển khai thoả thuận chi trả khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Kế hoạch 124/KH-UBND ngày 22/02/2024).</p> <p>(2) Về nội dung làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tránh sự chồng chéo trong quá trình thực hiện việc thí điểm trao đổi tín chỉ các-bon rừng và chia sẻ lợi ích giữa các bên khi chuyển nhượng kết quả giảm phát thải: Xin tiếp thu và tiếp tục được hoàn thiện chính sách tại bước Hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, trong quá trình thực hiện thí điểm trao đổi tín chỉ các-bon rừng và chia sẻ lợi ích Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đã có phân vùng cụ thể để hạn chế sự chồng chéo trong thực hiện chính sách.</p> <p>(3) Về nội dung trao đổi với Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định các hoạt động kết nối sản giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới, quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xác nhận các</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững và tăng trưởng xanh; phạm vi áp dụng bao gồm các địa phương có tiềm năng về chuyên nhượng, trao đổi kết quả hấp thụ, lưu giữ các- bon của rừng và giảm phát thải khí nhà kính thuộc các khu vực Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các địa phương có rừng ngập mặn ven biển. Nghĩa là phạm vi thí điểm dự kiến bao gồm cả Nghệ An.</p> <p>Do đó, để tránh sự chông chéo trong quá trình thực hiện việc thí điểm trao đổi tín chỉ các-bon rừng và chia sẻ lợi ích giữa các bên khi chuyên nhượng kết quả giảm phát thải, đề nghị tỉnh Nghệ An làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Ngoài ra, đề xuất của tỉnh Nghệ An đề cập đến việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường các-bon trong nước và chuyên nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế, tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới, quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xác nhận các tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước... Do đó, đề nghị làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung này.</p> <p>Đồng thời, để đảm bảo căn cứ, thời điểm phù hợp và tính khả thi đối với đề xuất thí điểm thực hiện Dự án kinh doanh</p>		<p>tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước... Xin tiếp thu và tiếp tục được hoàn thiện chính sách tại bước Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.</p> <p>(4) Làm rõ giai đoạn dự kiến thực hiện thí điểm, phạm vi, đối tượng, chương trình, dự án giảm phát thải triển khai thí điểm; đánh giá tiềm năng giảm phát thải và tạo tín chỉ các bon của tỉnh Nghệ An cũng như người mua tiềm năng cho các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon tại tỉnh. Ngoài ra, đối với nội dung “tự chủ trong chuyên nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế” cũng cần làm rõ “tự chủ” theo đề nghị của tỉnh Nghệ An cụ thể là như thế nào, là tự quyết định bán tín chỉ các-bon rừng ra thị trường quốc tế, tự chọn bên mua hay tự chủ về nguồn thu, nguồn tài chính thu được từ dự án bán tín chỉ các-bon để làm rõ chức năng, thẩm quyền và phạm vi thí điểm. Dự thảo chính sách sẽ được cụ thể hóa giai đoạn thí điểm, phạm vi thí điểm, đối tượng thí điểm tại Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và bổ sung giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về giai đoạn thí điểm: từ 2025 cho đến thị trường trao đổi hạn ngạch tín chỉ các bon được hình thành và quy định cụ thể. - Về phạm vi thí điểm: Thực hiện đối với diện tích đất có rừng trên toàn tỉnh.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>tín chỉ các-bon rừng, đề nghị làm rõ giai đoạn dự kiến thực hiện thí điểm, phạm vi, đối tượng, chương trình, dự án giảm phát thải triển khai thí điểm; đánh giá tiềm năng giảm phát thải và tạo tín chỉ các bon của tỉnh Nghệ An cũng như người mua tiềm năng cho các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon tại tỉnh. Ngoài ra, đối với nội dung “tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế” cũng cần làm rõ “tự chủ” theo đề nghị của tỉnh Nghệ An cụ thể là như thế nào, là tự quyết định bán tín chỉ các-bon rừng ra thị trường quốc tế, tự chọn bên mua hay tự chủ về nguồn thu, nguồn tài chính thu được từ dự án bán tín chỉ các-bon để làm rõ chức năng, thẩm quyền và phạm vi thí điểm.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Về đối tượng thí điểm: diện tích rừng do nhà nước quản lý (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất là rừng tự nhiên). - Việc đánh giá tiềm năng giảm phát thải và tạo tín chỉ các bon của tỉnh Nghệ An cũng như người mua tiềm năng cho các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon tại tỉnh: Nội dung trong quá trình triển khai thí điểm đề án giảm phát thải và chuyển quyền giảm phát thải (ERPA) vùng Bắc Trung bộ thì tiềm năng giảm phát thải và tạo tín chỉ đã tính toán, kiểm đếm (tại thời điểm đánh giá năm 2019, Nghệ An dự kiến đóng góp khối lượng khoảng 8-10 triệu tấn CO2 trong vòng 4 năm (từ 2020 -2024). Mặt khác theo báo cáo đánh giá của tổ chức GIZ thì bình quân rừng Nghệ An hấp thụ từ 2 đến 2,5 triệu CO2/năm (giai đoạn 2021-2030). - Làm rõ “tự chủ”: Tỉnh Nghệ An có quyền quyết định mua bán, trao đổi Tín chỉ các-bon bao gồm cả việc tự quyết định bên mua và sử dụng nguồn tài chính thông qua hoạt động mua bán, trao đổi để đầu tư cho hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn.
-	<p>Hiện nay luật pháp Việt Nam chưa có quy định cụ thể về quyền chuyển nhượng, mua bán, trao đổi tín chỉ các-bon rừng, vì vậy, đề nghị tỉnh Nghệ An xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cân nhắc và có đánh giá kỹ đối với đề xuất này để bảo đảm tính khả thi của chính sách.</p>	Bộ Ngoại giao	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Ngoại giao, xin tiếp thu sẽ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT trong quá trình hoàn thiện nội dung chính sách, xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
6	<p>Chính sách 6. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <p>UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa dưới 500 ha; các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.</p>		<p>Dự thảo chính sách được tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <p>“UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường”</p>
-	<p>Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn Nghệ An; chỉnh sửa, hoàn thiện, thống nhất tiêu đề và nội dung của Chính sách 6.</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hồ sơ đã nêu một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện một số quy định về bảo vệ môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động.</p>
	<p>- Hoạt động quản lý nhà nước về môi trường không chỉ bao gồm việc thực hiện thủ tục hành chính về môi trường, vì vậy đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nghiên cứu bổ sung các chính sách đặc thù thu hút đầu tư xây dựng các dự án, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện đại có thu hồi năng lượng; triển khai các dự án xử lý nước thải sinh hoạt; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo lộ trình đã được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.</p>		<p>Theo Quy hoạch tỉnh Nghệ An đã được phê duyệt, trong đó có nội dung Quy hoạch 18 nhà máy (khu) xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp; mỗi huyện bố trí tối thiểu 01 khu vực tập kết chất thải rắn xây dựng. Đồng thời đưa vào danh mục các dự án thu hút đầu tư 6 dự án ở lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang thu hút dự án đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt phát</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
			<p>điện tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên sử dụng công nghệ đốt có thu hồi năng lượng “- <i>Giai đoạn 1: xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện: dây chuyền số 01 công suất 1.000 tấn rác/ngày.đêm; công suất phát điện 25 MW; xử lý chất thải y tế: 3 tấn/ngày.đêm. - Giai đoạn 2: xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện: dây chuyền số 02 công suất 500 tấn rác/ngày.đêm; công suất phát điện 12,5 MW; tái chế 6 tấn nhựa PE/ngày.đêm; tái chế 3 tấn dầu DO/ngày.đêm.</i> Đồng thời theo kế hoạch, Ban hành hai Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Dự thảo Quyết định quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An trước 31/3/2024 để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh đáp ứng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p>
	<p>- Về dự thảo chính sách: (i) Về dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa dưới 500 ha: Hiện nay thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án có tiêu chí này đang dẫn chiếu theo pháp luật về đất đai; tiếp thu ý kiến các địa phương, Bộ đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo tiêu chí dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên có diện tích chuyển đổi đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 75 ha trở lên. Do vậy, việc quy định chính sách này trong</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự thảo chính sách bỏ các đối tượng dự án trong chính sách đề xuất mà dự kiến sẽ được phân cấp cho địa phương khi sửa đổi Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ (bao gồm các dự án: (i) chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa dưới 500 ha; (ii) các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường)</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	Dự thảo Nghị quyết sẽ không đồng bộ với tiêu chí môi trường đang được sửa đổi tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.		
	<p>(ii) Về các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã có quy định cụ thể các dự án sử dụng đất quy mô từ 01 ha trở lên vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển hoặc từ 20 ha trở lên vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển được phân loại vào nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường và thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của Bộ. Do đó những dự án quy mô rất nhỏ như nhà văn hoá, trạm xá mà UBND tỉnh nêu sẽ không thuộc nhóm này. Bên cạnh đó, hiện nay Bộ đang sửa Nghị định số 08/2022/NĐ-CP theo hướng phân cấp cho UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư công nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh cũng tương đồng với đề xuất của UBND tỉnh nêu về các dự án sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội. Do đó, đề nghị không quy định nội dung này trong Dự thảo Nghị quyết.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự thảo chính sách bỏ các đối tượng dự án trong chính sách đề xuất mà dự kiến sẽ được phân cấp cho địa phương khi sửa đổi Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ (bao gồm các dự án: (i) chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa dưới 500 ha; (ii) các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường)</p>
	<p>(iii) Về các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Nội dung UBND tỉnh nêu về các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu, cụm công nghiệp khi chấp thuận chủ trương đầu tư đã được xem xét, đánh giá để hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường là chưa hoàn toàn phù hợp vì trong giai đoạn này chỉ đánh giá sơ bộ tác động môi trường với mục tiêu chính để nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có dự kiến phân cấp thẩm quyền cho cấp tỉnh, dự thảo chính sách được chỉnh sửa như sau:</p> <p><i>“UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa</i></p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>Các dự án thứ cấp Nhóm I ngoài việc phát sinh nước thải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp còn phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường cần được kiểm soát chặt chẽ, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.</p>		<p><i>bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường"</i></p>
-	<p>Khi tiến hành thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cần bám sát các yêu cầu khi chuyển đổi đất nông nghiệp theo Luật đất đai; yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, đa dạng sinh học,... của khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An theo các tiêu chí được UNESCO công nhận.</p>	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, dự thảo chính sách sẽ bổ sung yêu cầu UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thực hiện chính sách bảo đảm theo quy định.</p>
III	Nhóm cơ chế, chính sách trong quản lý đầu tư		
1	<p>Chính sách 1. Phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp và cảng biển: Phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I</p>		<p>Chính sách giữ nguyên</p>
-	<p>Theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư năm 2020, "<i>Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I</i>" thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Đối với lĩnh vực hàng hải, các quy hoạch chuyên ngành hàng hải được cấp thẩm quyền phê duyệt đã đầy đủ cơ sở kêu gọi, thực hiện đầu tư các bến cảng theo quy hoạch. UBND tỉnh Nghệ An chủ trì kêu gọi đầu tư các bến cảng</p>	<p>Bộ Giao thông vận tải</p>	<p>Bộ Giao thông vận tải thống nhất nội dung chính sách</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>biên bằng nguồn vốn xã hội hóa, đồng thời chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư bên cảng biển thuộc cảng biển Nghệ An sẽ phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, Bộ GTVT ủng hộ đề xuất nêu trên của UBND tỉnh Nghệ An và nội dung này đã được Quốc hội phân cấp cho UBND tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022.</p>		
-	<p>Theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư, các dự án trên thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Với nguyên tắc tăng cường trách nhiệm, trên cơ sở quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đề xuất trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân cấp cho địa phương thực hiện là cần thiết. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.</p>	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính thống nhất chính sách đề xuất
2	<p>Chính sách 2. Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP): Ngoài các lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Luật PPP, tỉnh Nghệ An được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa</p>		Chính sách giữ nguyên
-	<p>Hiện nay, lĩnh vực văn hóa và thể thao khó thu hút đầu tư do lợi nhuận không cao so với nhiều ngành khác. Do đó, nếu được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa, có thể góp phần sớm tăng cường hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trong lĩnh vực văn hóa và thể thao, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p>	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp thu ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hồ sơ đã bổ sung Báo cáo đánh giá tác động đối với chính sách.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>Tuy nhiên, các quy định về dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư về văn hóa, thể thao tại Đề án là mới so với pháp luật hiện hành. Do đó, để đảm bảo triển khai được trong thực tế, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ việc khi triển khai xây dựng cơ chế đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, trường hợp còn chồng chéo, mâu thuẫn với luật khác thì cần có phương án xử lý; tránh trường hợp sau khi được phê duyệt nhưng vẫn vướng mắc, không triển khai được. Đồng thời, cần nghiên cứu, xác định những đối tượng dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa và thể thao cụ thể được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư để đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực.</p>		
-	<p>Bộ GTVT ủng hộ đề xuất nêu trên. Tuy nhiên, để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Nghệ An cần thực hiện 03 đột phá chiến lược, trong đó đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và cần triển khai một số dự án động lực như cao tốc Vinh – Thanh Thủy,... vì vậy, đề nghị tỉnh Nghệ An rà soát, nghiên cứu bổ sung cơ chế cho phép nâng tỷ lệ tham gia vốn từ ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư theo phương thức PPP để triển khai thực hiện, tương tự như Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù đầu tư các dự án công trình giao thông đường bộ.</p>	<p>Bộ Giao thông vận tải</p>	
	<p>Theo quy định của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lĩnh vực thể thao và văn hóa không thuộc lĩnh vực áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Do đó, đề nghị tỉnh Nghệ An bổ sung khó khăn, vướng mắc</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Hồ sơ đã bổ sung các nội dung liên quan về đánh giá khó khăn vướng mắc, bất cập hiện nay trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề xuất.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong giai đoạn 2015-2020 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Đồng thời, bổ sung phần đánh giá về các nguồn thu của các dự án dự kiến thực hiện theo phương thức PPP, loại hợp đồng PPP phù hợp, khả năng thu hút nhà đầu tư để làm cơ sở đánh giá tính khả thi của áp dụng phương thức PPP đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; tránh để xảy ra tình trạng đã có cơ chế song không thực hiện được.</p>		
3	<p>Chính sách 3. Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (BT): Tỉnh Nghệ An được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, chỉnh trang đô thị, hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn TP. Vinh. Quyết định thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước</p>		<p>Chính sách giữ nguyên</p>
	<p>Luật PPP đã dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT; đồng thời, dự án BT thanh toán bằng tiền đã dừng thực hiện từ năm 2015. Về bản chất dự án đầu tư thực hiện theo hợp đồng BT (thanh toán bằng tiền) tương tự như dự án đầu tư công, song có sự khác biệt cơ bản về thời điểm thanh toán: dự án đầu tư công thanh toán theo tiến độ, dự án BT thanh toán sau khi nhà đầu tư hoàn thành đầu tư xây dựng, bàn giao công trình cho nhà nước. Đối với dự án BT: nhà đầu tư huy động các nguồn vốn hợp pháp (vốn vay, vốn chủ sở hữu, ...) để thực hiện đầu tư dự án. Vì vậy, so với dự án đầu tư công, dự án BT sẽ phát sinh chi phí huy động vốn để đầu tư (trong thời gian xây dựng đến khi nhà nước hoàn</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Chính sách đặc thù dự án BT thanh toán bằng tiền đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội. Nhằm tạo điều kiện giúp tỉnh có thêm lựa chọn phương để huy động các nguồn lực đầu tư cho thành phố Vinh trên cơ sở bảo đảm tính khả thi và hiệu quả đầu tư và ý kiến của UBND tỉnh Nghệ An tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, kiến nghị giữ nguyên dự thảo.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>thành trách nhiệm thanh toán) và một mức lợi nhuận nhất định cho cho nhà đầu tư. Điều này có thể dẫn đến chi phí đầu tư dự án theo hợp đồng BT cao hơn so với dự án đầu tư công; mức chênh lệch chi phí đầu tư giữa 2 phương thức này phụ thuộc vào chi phí huy động vốn, lợi nhuận của nhà đầu tư và khoảng thời gian kể từ khi hoàn thành công trình đến thời điểm nhà nước hoàn tất các thủ tục thanh toán. Đối với các dự án thực hiện và thanh toán trong cùng một kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn thì nên thực hiện theo đầu tư công; đối với dự án thực hiện và thanh toán trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn thì tại thời điểm phê duyệt chủ trương, ký kết hợp đồng BT chưa xác định được nguồn vốn để thanh toán cho nhà đầu tư.</p> <p>Hiện nay, chính sách đặc thù dự án BT thanh toán bằng tiền nêu trên được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với thành phố Hồ Chí Minh, song thực tiễn chưa triển khai thực hiện nên chưa đủ thời gian và cơ sở để tổng kết, đánh giá hiệu quả, sự phù hợp cũng như các khó khăn vướng mắc phát sinh. Do đó, đề nghị Tỉnh cân nhắc đánh giá tính khả thi trong áp dụng tại địa phương để đề xuất chính sách.</p>		
4	<p>Chính sách 4. Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công: Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể</p>		Chính sách giữ nguyên

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
-	Việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2019 và áp dụng đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A. Về cơ bản, Bộ GTVT ủng hộ đề xuất nêu trên của UBND tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ tính khả thi và hiệu quả của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; cơ sở thực hiện trong trường hợp dự án có cấu phần xây dựng chưa được phê duyệt; kinh phí quản lý để tránh tình trạng tái lấn chiếm sau khi dự án hoàn thành	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu ý kiến Bộ Giao thông vận tải, Hồ sơ đã bổ sung làm nội dung ý kiến nêu trên tại Báo cáo đánh giá tác động.
-	Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư phải đi trước một bước để người có đất bị thu hồi được ổn định đời sống, có cơ chế linh hoạt giao cho họ đất nền để tự làm nhà hoặc nhà nước xây nhà do người dân lựa chọn; công tác kiểm đếm, lập phương án đền bù, bồi thường hỗ trợ tái định cư phải làm trước không chờ phê duyệt dự án mới thực hiện các bước kiểm đếm, lập phương án bồi thường. Vì vậy, cần thiết cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư độc lập tương tự như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.	Bộ Tài chính	
-	- Tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Điều 93. Việc tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập và việc tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư: Trường hợp dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách ra thành dự án độc lập theo quy định của pháp luật về đầu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Nghệ An đã rà soát và giải trình như sau: Điều 93 Luật Đất đai năm 2024 có quy định trường hợp dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách ra thành dự án độc lập <u>theo quy định của pháp luật về đầu tư công</u> thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định của Luật này.

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>tư công thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định của Luật này.”</p> <p>Do Luật Đất đai năm 2024 đã quy định cụ thể về nội dung này, vì vậy đề nghị xem xét lại việc quy định thí điểm đối với nội dung này nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024. Nội dung này có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, do đó đề nghị xin ý kiến bổ sung gửi Bộ Tài chính để được hướng dẫn cụ thể.</p>		<p>Tuy nhiên, Điều 15 của Luật Đầu tư công chỉ quy định áp dụng tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định và đối với dự án nhóm A. Đồng thời, chính sách thí điểm đã được Quốc hội cho phép áp dụng đối với tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15. Do vậy, căn cứ đề xuất của UBND tỉnh Nghệ An tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, kiến nghị giữa nguyên dự thảo.</p>
IV	Phát triển kinh tế biển		
1	<p>Chính sách 1. Phân cấp thẩm quyền giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi khu vực biển do tỉnh Nghệ An quản lý: Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Tỉnh giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.</p>		<p>Chính sách giữ nguyên</p>
	<p>Hiện nay, pháp luật hiện hành đã có quy định cụ thể về giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong Luật Thủy sản và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, trong đó đã xác định rõ thẩm quyền giao khu vực biển, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian tiếp nhận, thẩm định, trình giải quyết hồ sơ, phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý tiền sử dụng khu vực biển, chính sách không thu tiền sử</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>1. Về quy định pháp luật hiện hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này”. - Khoản 2 Điều 39 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>dụng khu vực biển, Do vậy, việc UBND tỉnh Nghệ An đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách cho nội dung này là không cần thiết, không mang tính chất đặc thù.</p> <p>Ngày 16/6/2022, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, đề nghị tỉnh Nghệ An trao đổi, tham khảo kinh nghiệm, đặc biệt tìm hiểu về những vướng mắc liên quan đến thủ tục hành chính và khả năng tháo gỡ (nếu có) để không làm ảnh hưởng đến công tác giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh.</p>		<p>vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý”.</p> <p>- Tại điểm b khoản 2 điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định “Khu vực biển liên vùng; khu vực biển có phạm vi nằm ngoài vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này” thuộc thẩm quyền quyết định giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Như vậy, nội dung chính sách đề xuất phân cấp cho UBND tỉnh là khác với thẩm quyền theo quy định của Luật Thủy sản. Đồng thời, chính sách này cũng đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số: 55/2022/QH15.</p> <p>Căn cứ đề xuất của UBND tỉnh Nghệ An tại văn bản số 1798/UBND-KT ngày 11/3/2024, kiến nghị giữa nguyên dự thảo.</p>
	<p>Trong trường hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý với đề xuất cho phép Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An có thẩm quyền giao khu vực biển "ngoài 06 hải lý" để nuôi trồng thủy sản, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với đề xuất chỉ lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển cho nhà đầu tư trong nước thực hiện dự án nuôi trồng thủy</p>	<p>Bộ Ngoại giao</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, trong quá trình thực hiện chính sách (sau khi được Quốc hội thông qua), UBND tỉnh Nghệ An sẽ rà soát, bảo đảm công tác giao và cấp phép khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phù hợp với quy hoạch về không gian biển và bảo đảm yếu tố về bảo vệ môi trường.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	sản nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng khu vực biển được tiến hành hoạt động trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, đề nghị Tỉnh rà soát, bảo đảm công tác giao và cấp phép khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phù hợp với quy hoạch về không gian biển và bảo đảm yếu tố về bảo vệ môi trường.		
2	<p>Chính sách 2. Áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm và giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian còn lại đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý. - Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với dự án nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý; 		Chính sách giữ nguyên
	Nội dung đề xuất của Tỉnh nêu trên là tương tự với chính sách đã được Quốc hội quy định áp dụng đối với tỉnh Khánh Hòa nên nhất trí với đề xuất của Tỉnh để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính thống nhất với chính sách đề xuất
	Đề nghị Cơ quan soạn thảo và soát và làm rõ các nội dung tại chính sách này do nội dung ưu đãi được đề nghị tại Tờ trình và dự thảo Đề án chưa thống nhất.	Bộ Ngoại giao	Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, Hồ sơ đã được rà soát và chỉnh sửa thống nhất nội dung giữa các báo cáo.
V	Tổ chức bộ máy và biên chế		
1	<p>Chính sách 1. Phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh:</p> <p>a) Quyết định tổ chức bộ máy, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND thành phố Vinh.</p>		

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>b) Căn cứ quy mô dân số, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn; quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn;</p> <p>c) Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt của tỉnh; quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức đối với người có trình độ cao phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của tỉnh.</p>		
2	<p>Chính sách 2. UBND tỉnh có thẩm quyền sau đây:</p> <p>a) Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố, thị xã.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được bổ sung thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh so với quy định hiện hành để phụ trách địa bàn vùng miền núi.</p>		
	<p>Đề nghị rà soát các chính sách, đảm bảo thể chế đầy đủ và phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW; trong đó đề nghị làm rõ việc bổ sung thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh so với quy định hiện hành để phụ trách địa bàn vùng miền núi có thể chưa phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW, vì tại điểm a mục II.2 Nghị quyết số 39-NQ/TW</p>	Bộ Tư pháp	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Hồ sơ đã được rà soát, bổ sung báo cáo đánh giá tác động chính sách. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của tỉnh Nghệ An với đặc thù là tỉnh có địa bàn rộng, trong đó hơn 83% diện tích vùng miền núi; thời tiết khắc nghiệt, lụt lụt, lũ quét, hạn hán thường xuyên gây nhiều</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	<p>đã nêu: “Về tổ chức bộ máy, kiện toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm bộ máy đồng bộ, tinh gọn, ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ”; điểm b mục 2.II Nghị quyết số 39-NQ/TW nêu: “Sớm sửa đổi Quy định về cán bộ, công chức cấp xã theo hướng tinh gọn, giảm bớt chức danh theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI”.</p>		<p>khó khăn trong hoạt động sản xuất, đời sống nhân dân; có đường biên giới dài (giáp Lào) tiềm ẩn nhiều vấn đề an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; đồng thời, việc đề xuất chính sách nêu trên của tỉnh Nghệ An phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An, trong đó đã cho phép có quy định ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Nghệ An để góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra.</p>
3	<p>Chính sách 3. Tổ chức bộ máy chính quyền của thành phố Vinh</p> <p>a) Hội đồng nhân dân thành phố Vinh được thành lập 03 Ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Biên chế Hội đồng nhân dân thành phố Vinh có 08 cán bộ chuyên trách, trong đó có 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân thành phố Vinh có không quá 04 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>		
-	<p>Đối với 03 chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy và biên chế nêu tại khoản 5 mục III của Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024, đề nghị UBND tỉnh Nghệ An cần đánh giá rõ thực trạng, ưu điểm, hạn chế, vướng mắc, bất cập của những quy định pháp luật liên quan đến các nội dung nêu trên, từ đó đề xuất cụ thể các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển của địa phương trong thời gian tới; mỗi nội dung đề xuất cần đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ sẽ</p>	Bộ Nội vụ	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ, Hồ sơ đã được bổ sung Báo cáo đánh giá tác động cụ thể đối với từng chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết.</p>

TT	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
	nghiên cứu, có ý kiến đối với từng cơ chế, chính sách đặc thù theo phạm vi, thẩm quyền của Bộ Nội vụ.		
C	GÓP Ý ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CHÍNH SÁCH MỚI		
1	<p><i>Về xác định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tăng số điểm tính chi đầu tư khoảng 1,5 lần cho tỉnh Nghệ An khi trình cấp có thẩm quyền nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 để có nguồn lực cho đầu tư phát triển thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 39- NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị.</i></p>	Bộ Tài chính	<p>Thẩm quyền nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do đó, kiến nghị chưa bổ sung trong dự thảo.</p> <p>Để có nguồn lực cho đầu tư phát triển thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 39- NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ghi nhận ý kiến của Bộ Tài chính và sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030.</p>

PHỤ LỤC
CÔNG VĂN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

STT	Bộ, cơ quan trung ương	Công văn góp ý
1.	Bộ Tư pháp	1018/BTP-PLDSKT, 01/3/2024
2.	Bộ Tài chính	2286/BTC-NSNN, 05/3/2024
3.	Bộ Nội vụ	846/BNV-CQĐP, 21/02/2024
4.	Bộ Xây dựng	855/BXD-PTĐT, 01/03/2024
5.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	727/BVHTTDL-KHTC, 27/02/2024
6.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1443/BTNMT-KHTC, 08/3/2024
7.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	858/BLĐTBXH-TCGDNN, 05/3/2024
8.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1085/BNN-KH, 16/02/2024
9.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	716/BGDĐT-KHTC, 23/02/2024
10.	Bộ Y tế	602/BYT-KHTC, 06/02/2024
11.	Bộ Khoa học và Công nghệ	427/BKHCN-ĐP, 07/02/2024
12.	Bộ Công thương	1294/BCT-KHTC, 29/02/2024
13.	Bộ Thông tin và Truyền thông	502/BTTTT-VCL, 04/02/2024
14.	Bộ Giao thông vận tải	2041/BGTVT-KHĐT, 28/02/2024
15.	Bộ Quốc phòng	504/BQP-TM, 07/02/2024
16.	Bộ Công an	663/BCA-ANKT, 28/02/2024
17.	Bộ Ngoại giao	906/BNG-THKT, 23/02/2024
18.	Ngân hàng Nhà nước	1113/NHNN-TD, 07/02/2024

ĐP

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1018 /BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024

V/v xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 10.567 ...
	Ngày: 09.3.2024
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 1270/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, trên cơ sở thông tin được cung cấp và theo chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tư pháp có ý kiến sơ bộ như sau:

1. Về sự cần thiết xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An

Ngày 30/7/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020. Ngày 20/4/2019, Bộ Chính trị có Thông báo số 55-TB/TW ngày 20/4/2019, theo đó đã yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Thông báo số 55-TB/TW, ngày 13/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 36/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, ngày 18/7/2023, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai Nghị quyết số 36/2021/QH15, ngày 04/10/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 162/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tại mục VI. 2 phụ lục I về nhiệm vụ, đề án cụ thể Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW kèm theo Nghị quyết số 162/NQ-CP đã giao "*Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Nghệ An, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành*". Bên cạnh đó, theo thông tin nêu tại dự thảo Đề án (mục II, trang 17 đến trang 21), việc thực hiện Nghị quyết số 36/2021/QH15 trong thời gian qua đã gặp phải những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Do đó, việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An là cần thiết và đúng với nhiệm vụ được giao.

2. Về nội dung của dự thảo Đề án

Tại dự thảo Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có nêu ngoài tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 36/2021/QH15 đã ban hành (03 nhóm lĩnh vực với 6 cơ chế, chính sách), tỉnh Nghệ An đề xuất xây dựng, bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù gồm 04 nhóm lĩnh vực với tổng số 22 chính sách, gồm: (1) tài chính - ngân sách nhà nước và tài sản công (với 07 chính sách); (2) nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường (06 chính sách); (3) nhóm cơ chế, chính sách trong quản lý đầu tư (với 04 chính sách); (3) Phát triển kinh tế biển (với 02 chính sách); (4) Tổ chức bộ máy và biên chế (03 chính sách). Qua rà soát các chính sách nêu trên, Bộ Tư pháp nhận thấy, một số chính sách đã được áp dụng tương tự tại một số tỉnh và một số cơ chế, chính sách bổ sung mới, chưa được quy định tại các tỉnh hiện nay. Cụ thể:

2.1. Một số chính sách đề xuất tương tự một số tỉnh đã ban hành, như: (i) “chính sách được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của tỉnh Nghệ An” (chính sách 1 thuộc nhóm chính sách 1: áp dụng tương tự như khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 38/2021/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân hàng đặc thù đối với thành phố Hà Nội); (ii) Thí điểm thực hiện một số chính sách phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh chưa được quy định, điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định trên để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Tỉnh và không dùng để xác định số bổ sung cân đối ngân sách và số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Tỉnh (Chính sách 2 thuộc nhóm chính sách 1: áp dụng tương tự như Điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14; Điều 5 Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh)... Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, mỗi tỉnh sẽ có tính đặc thù riêng. Do đó, việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù tương tự như một số tỉnh nêu trên cần được nghiên cứu, đánh giá thật kỹ, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc

thù riêng của mỗi tỉnh. Do đó, đề nghị rà soát các chính sách cụ thể, phù hợp với đặc thù riêng để phát triển của tỉnh Nghệ An cho phù hợp, khả thi.

2.2. Một số chính sách mới chưa được áp dụng tại tỉnh nào hiện nay, như:

(1) Chính sách 5 (thuộc nhóm chính sách 1): “Cho phép tỉnh Nghệ An hưởng 100% nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, hàng không, viễn thông hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo điểm b khoản 2 điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước”; (2) Chính sách 6 (thuộc nhóm chính sách 1): “Cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An (theo điểm b khoản 2 điều 40 Luật Ngân sách nhà nước)”; (3) Chính sách 7 (thuộc nhóm chính sách 1): “Cho phép Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh). Khoản thu trên không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Cơ chế chính sách đề xuất mới”; (4) Chính sách Quản lý quy hoạch đô thị (thuộc nhóm chính sách 2): “Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ (sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng). Cơ chế chính sách đề xuất mới”; (5) Cơ chế, chính sách khai thác, phát triển quỹ đất đô thị (thuộc nhóm chính sách 2): “Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận đối với các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh với khoảng cách tối đa 45m ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch và quy định pháp luật; được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất vùng phụ cận của dự án được thu hồi để phục vụ tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ. Hiện nay chưa có địa phương nào được áp dụng thí điểm. Đề xuất áp dụng thí điểm đối với tỉnh Nghệ An”; (6) Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (thuộc nhóm chính sách 2); (7) Sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (thuộc nhóm chính sách 2)... Tuy nhiên, các chính sách này chưa được đánh giá tác động đầy đủ, rõ ràng, chưa có đầy đủ cơ sở đề xuất. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 35) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) (Điều 5, 6, 7), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động chính sách một cách đầy đủ, cơ sở, lý do, sự cần thiết bổ sung các chính sách mới, từ đó đề xuất chính sách cho phù hợp.

2.3. Đề nghị rà soát các chính sách, đảm bảo thể chế đầy đủ và phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW; trong đó đề nghị làm rõ việc bổ sung thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh so với quy định hiện hành để phụ trách địa bàn vùng miền núi có thể chưa phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW, vì tại điểm a mục II.2 Nghị quyết số 39-NQ/TW đã nêu: “Về tổ chức bộ máy, kiện toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm bộ máy đồng bộ, tinh gọn, ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ”; điểm b mục 2.II Nghị quyết số 39-NQ/TW nêu: “Sớm sửa đổi Quy định về cán bộ, công chức cấp xã theo hướng tinh gọn, giảm bớt chức danh theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI”.

3. Về Hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết của Quốc hội

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ) quy định: “Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật” thuộc trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội bao gồm: a) Tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, trong đó phải nêu rõ: sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh; mục đích, quan điểm xây dựng luật, pháp lệnh; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật, pháp lệnh; mục tiêu, nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do của việc lựa chọn; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua; thời gian dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, pháp lệnh; b) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức

khác; bản chụp ý kiến góp ý; đ) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật, pháp lệnh. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trình Quốc hội ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tham khảo, thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH (Trangnh)).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Tiến Dũng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1443 /BTNMT-KHTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2024

V/v góp ý về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành theo đề nghị của UBND tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Đề nghị rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, môi trường cho tỉnh Nghệ An. Bổ sung nội dung “Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách chung về môi trường thực hiện trên phạm vi cả nước; không có chính sách môi trường riêng cho tỉnh Nghệ An”.

2. Đối với nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế biển: đề nghị làm rõ sự phù hợp của các chính sách với Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; quy định pháp luật về lâm nghiệp, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường.

3. Đối với chính sách về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Đề nghị rà soát, tuân thủ các nội dung liên quan của Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản pháp luật liên quan; rà soát, bảo đảm thống nhất với Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành).

4. Đối với chính sách 2 mục 2 (Nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường - phần III Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An) đề xuất: “*Chính sách 2. Cơ chế, chính sách khai thác, phát triển quỹ đất đô thị Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận đối với các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh với khoảng cách tối đa 45m ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch và quy định pháp luật; được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất vùng phụ cận của dự án được thu hồi để phục vụ tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ*”.

Ý kiến:

- Tại khoản 49 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 quy định: “49. *Vùng phụ cận là vùng đất tiếp giáp với các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển theo quy hoạch.*”

- Tại khoản 26 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực ngày 01/01/2025 quy định: “26. *Dự án vùng phụ cận các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển*”

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2024 liên quan đến trình tự thu hồi đất dự kiến sẽ phân cấp cho chính quyền địa phương quy định cụ thể. Do đó, đề nghị xem xét lại việc cần thiết phải quy định thí điểm đối với nội dung trên vì nội dung này đã có quy định cụ thể Dự án vùng phụ cận thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Trường hợp, vẫn thực hiện thí điểm đối với nội dung trên đề nghị nghiên cứu nội dung liên quan cần được xem xét, sửa đổi để phù hợp với Luật Đất đai năm 2024.

5. Đối với chính sách 3 mục 2 (Nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường - phần III Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An) đề xuất:

“Chính sách 3. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 500 ha; rừng sản xuất dưới 1000 ha sang mục đích khác đảm bảo phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

Ý kiến:

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2024 quy định:

“Điều 248. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 14 như sau:

“1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ các dự án sau đây: dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định...”

- Tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2024 quy định:

“5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Thâm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí.”

Do đó, đề nghị xem xét lại việc cần thiết phải quy định thí điểm đối với nội dung trên vì nội dung này đã có quy định cụ thể tại Luật Đất đai năm 2024. Trường hợp, vẫn thực hiện thí điểm đối với nội dung trên thì đề nghị nghiên cứu nội dung liên quan cần được xem xét, sửa đổi để phù hợp với Luật Đất đai năm 2024.

6. Đối với chính sách 4 mục 3 (Nhóm cơ chế, chính sách trong quản lý đầu tư - phần III Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An) đề xuất:

“Chính sách 4. Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể.”

Ý kiến:

- Tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực ngày 01/01/2025 quy định:

“Điều 93. Việc tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập và việc tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư

Trường hợp dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách ra thành dự án độc lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định của Luật này.”

Do Luật Đất đai năm 2024 đã quy định cụ thể về nội dung này, vì vậy đề nghị xem xét lại việc quy định thí điểm đối với nội dung này nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024. Nội dung này có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, do đó đề nghị xin ý kiến bổ sung gửi Bộ Tài chính để được hướng dẫn cụ thể.

7. Đối với đề xuất Chính sách 4 *“Sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác”*, trong các mục đích cho phép tỉnh thực hiện, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung mục đích *“phát triển nguồn sinh thủy”*.

8. Đối với đề xuất Chính sách 5 Kinh doanh tín chỉ các-bon rừng thuộc Nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường (tại

trang 6 Tờ trình số 585/TTr-UBND của UBND tỉnh Nghệ An): Thí điểm thực hiện Dự án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyên nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế.

Nội dung đề xuất cụ thể (tại trang 44-46 của Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An):

a) Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu và được quyền chuyên nhượng, mua bán, trao đổi đối với lượng giảm phát thải khí nhà kính (từ hoạt động hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Ý kiến: Cần làm rõ loại rừng là rừng thuộc sở hữu nhà nước hay tư nhân và cần thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Tín chỉ các-bon hình thành từ dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dịch với nhà đầu tư trong nước, quốc tế. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.

Ý kiến: Do đây là chính sách kinh doanh tín chỉ các-bon rừng nên đề nghị điều chỉnh thành “Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon”.

c) Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách tỉnh được hưởng 100%.

Ý kiến: Đề nghị có sự thống nhất của Bộ Tài chính.

9. Đối với Chính sách 6 Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An; chỉnh sửa, hoàn thiện, thống nhất tiêu đề và nội dung của Chính sách 6.

- Hoạt động quản lý nhà nước về môi trường không chỉ bao gồm việc thực hiện thủ tục hành chính về môi trường, vì vậy đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nghiên cứu bổ sung các chính sách đặc thù thu hút đầu tư xây dựng các dự án, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện đại có thu hồi năng lượng; triển khai các dự án xử lý nước thải sinh hoạt; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo lộ trình đã được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

- Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tham mưu rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường theo hướng phân cấp, phân quyền nhiều hơn cho địa phương trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Theo đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An rà soát lại nội dung Chính sách 6 để đảm bảo thực hiện chính sách môi trường đồng bộ trên cả nước.

- Về đề xuất “UBND tỉnh Nghệ An tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa dưới 500 ha; các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.” (tại Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 về Chính sách 6):

Ý kiến:

(i) Về dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa dưới 500 ha: Hiện nay thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án có tiêu chí này đang dẫn chiếu theo pháp luật về đất đai; tiếp thu ý kiến các địa phương, Bộ đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo tiêu chí dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên có diện tích chuyển đổi đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 75 ha trở lên. Do vậy, việc quy định chính sách này trong Dự thảo Nghị quyết sẽ không đồng bộ với tiêu chí môi trường đang được sửa đổi tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

(ii) Về các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước, phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội thuộc khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã có quy định cụ thể các dự án sử dụng đất quy mô từ 01 ha trở lên vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển hoặc từ 20 ha trở lên vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển được phân loại vào nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường và thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của Bộ. Do đó những dự án quy mô rất nhỏ như nhà văn hoá, trạm xá mà UBND tỉnh nêu sẽ không thuộc nhóm này. Bên cạnh đó, hiện nay Bộ đang sửa Nghị định số 08/2022/NĐ-CP theo hướng phân cấp cho UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư công nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh cũng tương đồng với đề xuất của UBND tỉnh nêu về các dự án sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội. Do đó, đề nghị không quy định nội dung này trong Dự thảo Nghị quyết.

(iii) Về các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Nội dung UBND tỉnh nêu về các dự án thứ cấp Nhóm I nằm trong khu, cụm công nghiệp khi chấp thuận chủ trương đầu tư đã được xem xét, đánh giá để hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường là chưa hoàn

toàn phù hợp vì trong giai đoạn này chỉ đánh giá sơ bộ tác động môi trường với mục tiêu chính để nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án. Các dự án thứ cấp Nhóm I ngoài việc phát sinh nước thải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp còn phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường cần được kiểm soát chặt chẽ, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.

10. Về chính sách phát triển kinh tế biển (tại Mục IV, Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An): Hiện nay, pháp luật hiện hành đã có quy định cụ thể về giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trong Luật Thủy sản và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, trong đó đã xác định rõ thẩm quyền giao khu vực biển, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian tiếp nhận, thẩm định, trình giải quyết hồ sơ, phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý tiền sử dụng khu vực biển, chính sách không thu tiền sử dụng khu vực biển, Do vậy, việc UBND tỉnh Nghệ An đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách cho nội dung này là không cần thiết, không mang tính chất đặc thù.

Ngày 16/6/2022, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, đề nghị phía tỉnh Nghệ An trao đổi, tham khảo kinh nghiệm, đặc biệt tìm hiểu về những vướng mắc liên quan đến thủ tục hành chính và khả năng tháo gỡ (nếu có) để không làm ảnh hưởng đến công tác giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh.

11. Đối với Chính sách 7 Nhóm tài chính – ngân sách nhà nước (tại trang 35 dự thảo Đề án): nội dung chính sách cho phép tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu ngân sách trung ương được hưởng (bao gồm cả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) liên quan đến pháp luật về ngân sách nhà nước, tuy nhiên, đề nghị sửa đổi nội dung “*tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp*” thành “*tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép*”.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC (HH).



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2286/BTC-NSNN
V/v xây dựng một số cơ chế,
chính sách đặc thù cho phát
triển tỉnh Nghệ An

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Văn bản số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An; căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính có ý kiến về các kiến nghị có liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân sách như sau:

I. Về sự cần thiết:

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Tài chính nhất trí với sự cần thiết việc xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành.

II. Về nội dung cụ thể:

1. Nhóm chính sách tài chính – ngân sách nhà nước:

1.1. Về đề xuất ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của tỉnh Nghệ An.

Tại cuộc họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 26/02/2024 tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An đã bỏ đề nghị chính sách: "Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công"; vì vậy, Bộ Tài chính không tham gia chính sách này.

1.2. Về đề xuất thí điểm thực hiện một số chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Tỉnh chưa được quy định, điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí,

lệ phí quy định trên để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Tỉnh và không dùng để xác định số bổ sung cân đối ngân sách và số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Tỉnh.

Theo quy định tại Luật Phí và lệ phí thì Quốc hội quy định Danh mục phí và lệ phí. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề xuất này tương tự với chính sách đã được Quốc hội quy định áp dụng đối với một số địa phương trong thời gian qua (như Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa,...). Vì vậy, Bộ Tài chính nhất trí với đề xuất của Tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện tại các địa phương chưa phát huy được hiệu quả chính sách (như tại Thành phố Hồ Chí Minh qua 05 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố mới ban hành văn bản điều chỉnh tăng 01 khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Mặt khác, đề nghị tỉnh Nghệ An cần căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo môi trường đầu tư, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành có liên quan để quyết định, do Nghệ An là tỉnh có dân số đông, nhiều huyện miền núi, đời sống nhân dân còn khó khăn; vì vậy, đề nghị Tỉnh cân nhắc để đảm bảo phát huy hiệu quả trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng đề xuất chính sách khi được ban hành nhưng không triển khai hiệu quả trong thực tế.

1.3. Về đề xuất ngân sách địa phương được hưởng 50% nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô cho để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường giao thông nông thôn,...).

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Quốc hội về phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2024. Tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024 đã quy định giao Chính phủ: *“Quy định cụ thể việc thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thống nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý. Tiếp tục thu 100% nguồn thu này các năm 2024, 2025 về ngân sách trung ương và thực hiện phân chia tương ứng 65% số thu cho ngân sách trung ương và bố trí dự toán ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tương ứng 35% số thu để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ.”*

Ngày 13/12/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2023/NĐ-CP quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Theo đó, tại khoản 2 Điều 4 quy định: *“Tổ chức thu phí bao gồm: a) Cục Đường bộ Việt Nam thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an; b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại*

1.5. Về đề xuất cho phép tỉnh Nghệ An hưởng 100% nguồn thu thuế thu

Khánh Hòa). Vì vậy, Bộ Tài chính nhất trí với đề xuất của Tỉnh. Quy định nêu trên trong thực tế còn nhiều bất cập nên Quốc hội đã cho phép

của cấp huyện này để chi hỗ trợ cho nhiệm vụ của cấp huyện khác. ngân sách cấp mình để hỗ trợ địa phương khác và không được sử dụng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, thì các địa phương không được sử dụng phương khác phục hậu quả thiên tai, tham hòa nghiệm trong". Như vậy, theo

trư các trường hợp sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước để hỗ trợ các địa được dùng ngân sách địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không

Theo quy định tại khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước: "Không Theo quy định tại khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước: "Không

khác. mức tiêu quốc gia, các nhiệm vụ an sinh xã hội và trong các trường hợp cần thiết phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình

ngân sách cấp mình để hỗ trợ các địa phương khác của tỉnh Nghệ An trong việc và nước ngoài; cho phép các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh được sử dụng

guyêt định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước các huyện nghèo khu vực miền Tây Nghệ An. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với huyện Nam Đàn và dùng ngân sách cấp mình để hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ phải

1.4. Về đề xuất cho phép các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sử hiện để bảo cáo cấp có thẩm quyền. thiêt; tuy nhiên, để nghị Tỉnh làm việc với Bộ Giao thông vận tải tỉnh nhà thì thực

Tỉnh để bảo trì đường bộ còn thấp. Vì vậy, đề xuất chỉnh sách của Tỉnh là cần đường tỉnh, huyện, giao thông nông thôn còn nhiều yếu kém, nguồn kinh phí của

Do tỉnh Nghệ An là địa phương có diện tích lớn nhất cả nước, các tuyến phương và hệ số khó khăn về nguồn thu của từng địa phương. chi: chiểu dài đường bộ của địa phương, số xe ô tô quy tiêu chuẩn đăng ký tại địa

đường bộ ở địa phương do Bộ Giao thông vận tải chủ trì xác định theo các tiêu sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện công tác quản lý, bảo trì

Phương an phân bổ tương ứng 35% số thu để bổ sung có mục tiêu từ ngân trung ương". (quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), Cục Đường bộ Việt Nam nộp toàn bộ số

Tại khoản 3 Điều 7 quy định: "Cục Đường kiểm Việt Nam nộp số tiền phí kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định."

Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an quy định tại điểm a

nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, hàng không, viễn thông hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

a) Về phân chia thuế:

Tại khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước quy định: "Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể" và tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước quy định: "Đối với khoản thu tiền sử dụng đất và số số kiến thiết không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương."

Như vậy, chỉ có khoản thu tiền sử dụng đất và số số kiến thiết là gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, các khoản thu còn lại được tổng hợp vào cân đối chung ngân sách nhà nước. Đồng thời tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước quy định thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

b) Về quản lý thuế:

Tại điểm b, khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: "Chính phủ quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp sau đây: ...b) Người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn;...".

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định: "Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Đồng thời, người nộp thuế phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính".

Tại Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế quy định các trường hợp được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp, gồm: "a) Hoạt động kinh doanh số số điện toán; b) Hoạt động chuyển nhượng bất động sản; c) Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất; d) Nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh."

Như vậy, đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, hàng không, viễn thông không được phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa phương nơi có cơ sở kinh doanh dịch vụ hoạt động.

Từ tình hình trên, đề nghị Tỉnh thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

1.6. Về đề xuất cho phép tỉnh Nghệ An không xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền Tây Nghệ An và đề xuất cho phép ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu do ngân sách trung ương được hưởng (từ các khoản thu thuế bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý và các loại phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu trên địa bàn tỉnh). Khoản thu trên không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

a) Về việc xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

Tại khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước quy định: "Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể."

Tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước quy định: Đối với khoản thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

Như vậy, chỉ có khoản thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết là gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, các khoản thu còn lại được tổng hợp vào cân đối chung ngân sách nhà nước.

b) Về số vượt thu của ngân sách trung ương:

Tại Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước quy định: "Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%: Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện; Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu".

Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác

khoáng sản quy định "Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện nộp 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương, đối với Giấy phép do Trung ương cấp".

Tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An quy định: "Hàng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Nghệ An không quá 70% số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao".

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, đối với nguồn thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn Tỉnh được cân đối chung để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; nguồn vượt thu từ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp được tổng hợp chung trong tổng số thu ngân sách trung ương được hưởng. Riêng đối với tăng thu thuế bảo vệ môi trường từ hoạt động xuất, nhập khẩu đã được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội.

Tuy nhiên, để Tỉnh có thêm nguồn lực để phát triển, đặc biệt là vùng Tây Nghệ An là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, nhất là công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh và đối ngoại của tỉnh Nghệ An, cơ sở hạ tầng còn yếu kém và thiếu thốn, Bộ Tài chính nhất trí trình cấp có thẩm quyền cho phép tỉnh Nghệ An được loại trừ số thu thuế từ các cơ sở sản xuất thủy điện trên địa bàn vùng Tây Nghệ An khi xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và cho phép ngân sách tỉnh Nghệ An được hưởng 100% số vượt thu của ngân sách trung ương so với dự toán từ khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp tại địa bàn vùng Tây Nghệ An.

2. Về nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường:

Đề nghị thực hiện "Dự án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường trong nước và tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế".

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thoả thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, trong đó đối tượng áp dụng bao gồm cơ quan nhà nước, chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ rừng tự nhiên thuộc tỉnh Nghệ An. Theo đó, tỉnh Nghệ An cũng là đối tượng được tham gia thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ rừng. Ngân hàng thế giới đã thực hiện chi trả hơn 40 triệu USD cho kết quả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ và chuyển Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng chi trả

cho các bên liên quan và các tỉnh. Do đó, đề nghị có thêm đánh giá về kết quả thực hiện thí điểm tại Nghị định 107/2022/NĐ-CP của Chính phủ và việc chi trả từ nguồn thu chuyển nhượng tín chỉ các-bon cho Ngân hàng Thế giới được phân bổ về địa phương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có hướng dẫn về dịch vụ môi trường rừng quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp (hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh); trong đó có nội dung về thí điểm chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững và tăng trưởng xanh; phạm vi áp dụng bao gồm các địa phương có tiềm năng về chuyển nhượng, trao đổi kết quả hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng và giảm phát thải khí nhà kính thuộc các khu vực Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các địa phương có rừng ngập mặn ven biển. Nghĩa là phạm vi thí điểm dự kiến bao gồm cả Nghệ An.

Do đó, để tránh sự chông chéo trong quá trình thực hiện việc thí điểm trao đổi tín chỉ các-bon rừng và chia sẻ lợi ích giữa các bên khi chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, đề nghị tỉnh Nghệ An làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngoài ra, đề xuất của tỉnh Nghệ An đề cập đến việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, bù trừ tín chỉ các-bon thị trường các-bon trong nước và chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế, tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới, quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xác nhận các tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước... Do đó, đề nghị làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung này.

Đồng thời, để đảm bảo căn cứ, thời điểm phù hợp và tính khả thi đối với đề xuất thí điểm thực hiện Dự án kinh doanh tín chỉ các-bon rừng, đề nghị làm rõ giai đoạn dự kiến thực hiện thí điểm, phạm vi, đối tượng, chương trình, dự án giảm phát thải triển khai thí điểm; đánh giá tiềm năng giảm phát thải và tạo tín chỉ các-bon của tỉnh Nghệ An cũng như người mua tiềm năng cho các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon tại tỉnh. Ngoài ra, đối với nội dung “tự chủ trong chuyển nhượng giao dịch mua bán trao đổi tín chỉ các-bon ra thị trường quốc tế” cũng cần làm rõ “tự chủ” theo đề nghị của tỉnh Nghệ An cụ thể là như thế nào, là tự quyết định bán tín chỉ các-bon rừng ra thị trường quốc tế, tự chọn bên mua hay tự chủ về nguồn thu, nguồn tài chính thu được từ dự án bán tín chỉ các-bon để làm rõ chức năng, thẩm quyền và phạm vi thí điểm.

3. Về nhóm cơ chế, chính sách trong quản lý đầu tư:

3.1. Về đề xuất phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

Theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư, các dự án trên thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Với nguyên tắc tăng cường trách nhiệm, trên cơ sở quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đề xuất trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân cấp cho địa phương thực hiện là cần thiết. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3.2. Về đề xuất ngoài các lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Luật PPP, tỉnh Nghệ An được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan. Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP quy định tại điều này do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định.

Theo quy định của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lĩnh vực thể thao và văn hóa không thuộc lĩnh vực áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Do đó, đề nghị tỉnh Nghệ An bổ sung khó khăn, vướng mắc thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong giai đoạn 2015-2020 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Đồng thời, bổ sung phần đánh giá về các nguồn thu của các dự án dự kiến thực hiện theo phương thức PPP, loại hợp đồng PPP phù hợp, khả năng thu hút nhà đầu tư để làm cơ sở đánh giá tính khả thi của áp dụng phương thức PPP đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; tránh để xảy ra tình trạng đã có cơ chế song không thực hiện được.

3.3. Về đề xuất thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (BT).

Luật PPP đã dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT; đồng thời, dự án BT thanh toán bằng tiền đã dừng thực hiện từ năm 2015. Về bản chất dự án đầu tư thực hiện theo hợp đồng BT (thanh toán bằng tiền) tương tự như dự án đầu tư công, song có sự khác biệt cơ bản về thời điểm thanh toán: dự án đầu tư công thanh toán theo tiến độ, dự án BT thanh toán sau khi nhà đầu tư hoàn thành đầu tư xây dựng, bàn giao công trình cho nhà nước. Đối với dự án BT: nhà đầu tư huy động các nguồn vốn hợp pháp (vốn vay, vốn chủ sở hữu, ...) để thực hiện đầu tư dự án. Vì vậy, so với dự án đầu tư công, dự án BT sẽ phát sinh chi phí huy động vốn để đầu tư (trong thời gian xây dựng đến khi nhà nước hoàn thành trách nhiệm thanh toán) và một mức lợi nhuận nhất định cho cho nhà đầu tư. Điều này có thể dẫn đến chi phí đầu tư dự án theo hợp đồng BT cao hơn so với dự án đầu tư công;

mức chênh lệch chi phí đầu tư giữa 2 phương thức này phụ thuộc vào chi phí huy động vốn, lợi nhuận của nhà đầu tư và khoảng thời gian kể từ khi hoàn thành công trình đến thời điểm nhà nước hoàn tất các thủ tục thanh toán. Đối với các dự án thực hiện và thanh toán trong cùng một kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn thì nên thực hiện theo đầu tư công; đối với dự án thực hiện và thanh toán trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn thì tại thời điểm phê duyệt chủ trương, ký kết hợp đồng BT chưa xác định được nguồn vốn để thanh toán cho nhà đầu tư.

Hiện nay, chính sách đặc thù dự án BT thanh toán bằng tiền nêu trên được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm đối với thành phố Hồ Chí Minh, song thực tiễn chưa triển khai thực hiện nên chưa đủ thời gian và cơ sở để tổng kết, đánh giá hiệu quả, sự phù hợp cũng như các khó khăn vướng mắc phát sinh. Do đó, đề nghị Tỉnh cân nhắc đánh giá tính khả thi trong áp dụng tại địa phương để đề xuất chính sách.

3.4. Về đề xuất về tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư phải đi trước một bước để người có đất bị thu hồi được ổn định đời sống, có cơ chế linh hoạt giao cho họ đất nền để tự làm nhà hoặc nhà nước xây nhà do người dân lựa chọn; công tác kiểm đếm, lập phương án đền bù, bồi thường hỗ trợ tái định cư phải làm trước không chờ phê duyệt dự án mới thực hiện các bước kiểm đếm, lập phương án bồi thường. Vì vậy, cần thiết cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư độc lập tương tự như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3.5. Về xác định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030:

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tăng số điểm tính chi đầu tư khoảng 1,5 lần cho tỉnh Nghệ An khi trình cấp có thẩm quyền nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 để có nguồn lực cho đầu tư phát triển thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị.

4. Về nhóm chính sách phát triển kinh tế biển:

Đề nghị áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với dự án nuôi trồng thủy sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý; đề xuất áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17%, miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý

Việc quy định về chính sách thuế (bao gồm cả việc miễn, giảm và ưu đãi thuế) thuộc thẩm quyền Quốc hội quyết định và nội dung đề xuất của Tỉnh nêu trên là tương tự với chính sách đã được Quốc hội quy định áp dụng đối với tỉnh Khánh Hòa nên nhất trí với đề xuất của Tỉnh để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TCT; TCHQ;
- Các Cục: QLCS; CST
- Các Vụ: ĐT; HCSN; PC;
- Lưu: VT, NSNN (5b). *K*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **858**/BLĐTBXH-TCGDNN

V/v góp ý về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An, trình Quốc hội ban hành

Hà Nội, ngày **05** tháng **3** năm **2024**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Công văn số 1270/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An, trình Quốc hội ban hành. Sau khi nghiên cứu, rà soát hồ sơ, tài liệu liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Nhất trí việc xây dựng cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/11/2023 của Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Với 05 nhóm cơ chế, chính sách đặc thù tỉnh Nghệ An đề xuất (quản lý tài chính và ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường; quản lý đầu tư; phát triển kinh tế biển; tổ chức bộ máy và biên chế) không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao nên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không có ý kiến góp ý.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Quý Bộ để tổng hợp /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà
Nguyễn Thị Hà

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *SD4*/BQP-TM

Hà Nội, ngày *07* tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: *7.112*
Ngày: *16.02.2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Nghiên cứu công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành; Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Đề án Bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/07/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do UBND tỉnh Nghệ An đề xuất;

2. Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An nghiên cứu, tổ chức khảo sát, đánh giá tác động bảo đảm tính khách quan, toàn diện giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; có cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển khu vực biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đã di cư tự do có nơi cư trú hợp pháp, sinh kế bền vững, có đất sản xuất, được tiếp cận các dịch vụ cơ bản và đảm bảo an sinh xã hội theo quan điểm của Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; hạn chế thấp nhất về việc điều chỉnh phương án phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính, ngân sách Nhà nước 03 năm 2024 - 2026 đã được Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ;

3. Quá trình thực hiện, đề nghị UBND tỉnh Nghệ An phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 và các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn để giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn Tỉnh.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. / *ly*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Cục Tác chiến;
- Lưu: VT, NC, Tr06.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tân Cương
Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 716 /BGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về xây dựng
một số cơ chế, chính sách đặc
thù cho phát triển tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu, rà soát nội dung dự thảo Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, không có nội dung liên quan tới ngành giáo dục đào tạo. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo không có ý kiến với nội dung dự thảo Đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An soạn thảo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC và.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



* Hoàng Minh Sơn



Bộ Xây dựng

01-03-2024

10:40:44 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 855 /BXD-PTĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024

V/v phúc đáp công văn số
680/BKHĐT-KTĐPLT ngày
26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Xây dựng nhận được các công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 1270/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/02/2024 và số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 về việc xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành và tài liệu gửi kèm¹. Sau khi nghiên cứu, căn cứ chức năng quản lý nhà nước được phân công, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Căn cứ pháp lý việc đề xuất xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội

Ngày 18/7/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, trong đó có giao Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, (2) Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành

Ngày 04/10/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 162/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì phối hợp UBND tỉnh Nghệ An và các bộ, cơ quan liên quan "Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành" vào quý III năm 2024 với sản phẩm là Nghị quyết.

Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An và Dự thảo Đề án đã nêu các lý do, sự cần thiết việc đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

Việc đề xuất nêu trên là có cơ sở chính trị và thực tiễn, do đó, Bộ Xây dựng cơ bản ủng hộ việc đề nghị xây dựng Nghị quyết bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành.

2. Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

Đề nghị thực hiện việc soạn thảo Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ý kiến cụ thể:

- Bộ Xây dựng có ý kiến đối với các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ. Các nội dung khác Bộ Xây dựng không có ý kiến.

¹ Gồm: (1) Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; (2) Dự thảo Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

- Ý kiến đối với nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng như sau:

+ Tờ trình số 585/TTr-UBND, UBND tỉnh Nghệ An có đề xuất phân cấp chính sách 1 tại mục 2 Mục III về quản lý quy hoạch đô thị (trang 5), cụ thể: "UBND tỉnh Nghệ An được phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ".

+ Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và thẩm quyền phê duyệt thuộc Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 12/2023/TT-BXD ngày 20/11/2023, quy định về phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên; theo đó, UBND cấp tỉnh là cơ quan tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số tương đương với đô thị loại III trở lên, trình Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Bên cạnh đó, thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 của Quốc hội khóa XV ban hành tại Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023, Bộ Xây dựng đang thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì xây dựng Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thay thế cho pháp luật về quy hoạch tại Luật Xây dựng năm 2014 và Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; đến nay, hồ sơ Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã được Bộ Tư pháp thẩm định, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện, trình Chính phủ tại Tờ trình số 03/TTr-BXD ngày 19/02/2024. Theo đó, nội dung dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã đề xuất phân cấp mạnh về thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại II trở xuống thuộc UBND cấp tỉnh.

Căn cứ những nội dung nêu trên, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, PTĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



* Nguyễn Tường Văn

Số: 2041 /BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về xây dựng một
số cơ chế, chính sách đặc thù cho
phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc
hội ban hành

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 và số 1270/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tham gia ý kiến về đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An. Sau khi nghiên cứu, Bộ GTVT tham gia ý kiến như sau:

1. Bộ GTVT cơ bản thống nhất với quan điểm, mục tiêu, các nhóm chính sách dự kiến trong đề xuất Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An kèm theo các văn bản nêu trên.

2. Để hoàn thiện Đề án, đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung:

2.1. Bổ sung đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 36/2021/NQ-QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, các nội dung tiếp tục thực hiện, phát huy hiệu quả; các nội dung thực hiện còn bất cập; bổ sung bối cảnh mới trong xây dựng các cơ chế chính sách cho địa phương.

2.2. Về các nhóm chính sách

a) Về nhóm chính sách tài chính - ngân hàng

Chính sách 3 đề nghị cho phép ngân sách địa phương được hưởng 50% nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

Hiện nay, tỷ lệ phân chia thụ hưởng nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ giữa trung ương và địa phương là 65% (trung ương) và 35% (địa phương) không nằm trong quy định của Luật Giao thông đường bộ. Vì vậy, đề nghị kiểm tra, rà soát, trường hợp nếu chỉ quy định tại các Nghị định của Chính phủ thì không đưa chính sách này vào Đề án (chỉ đưa các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội).

b) Về nhóm chính sách quy hoạch đô thị - tài nguyên

- Chính sách 1 đề nghị cho phép UBND tỉnh Nghệ An được phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dự báo tương đương đô thị loại III trở lên theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Theo hồ sơ dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn¹, tại khoản 2 Điều 37

¹ Tờ trình số 03/TTr-BXD ngày 19/2/2024 của Bộ Xây dựng trình Chính phủ (đã được lấy ý kiến của Bộ, ngành và Bộ Tư pháp thẩm định)

dự thảo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn đã dự kiến phân cấp cho UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị loại III. Vì vậy, đề nghị xem xét, cân nhắc đưa chính sách này vào Đề án.

- Chính sách 2 đề nghị cho phép HĐND tỉnh Nghệ An quyết định việc thu hồi đất vùng phụ cận đối với các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh với khoảng cách tối đa 45m ngoài phạm vi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch; được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện GPMB tạo quỹ đất đấu giá....

Bộ GTVT cơ bản thống nhất với nội dung chính sách này, tuy nhiên để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện, phát huy hiệu quả cao nhất của nguồn lực từ quỹ đất, đề nghị: (1) không quy định khoảng cách tối đa 45m để tạo tính linh hoạt, chủ động khi thực hiện; (2) cho phép UBND tỉnh Nghệ An được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch khu vực dự kiến thu hồi, được quyết định mật độ xây dựng, các chỉ tiêu xây dựng khác quy chuẩn xây dựng.

c) Về nhóm chính sách quản lý, đầu tư

- Chính sách 1 đề nghị cho phép HĐND tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

Theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư năm 2020, "Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I" thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với lĩnh vực hàng hải, các quy hoạch chuyên ngành hàng hải được cấp thẩm quyền phê duyệt² đã đầy đủ cơ sở kêu gọi, thực hiện đầu tư các bến cảng theo quy hoạch. UBND tỉnh Nghệ An chủ trì kêu gọi đầu tư các bến cảng biển bằng nguồn vốn xã hội hóa, đồng thời chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư bến cảng biển thuộc cảng biển Nghệ An sẽ phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, Bộ GTVT ủng hộ đề xuất nêu trên của UBND tỉnh Nghệ An và nội dung này đã được Quốc hội phân cấp cho UBND tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022.

- Chính sách 2 đề nghị cho phép tỉnh Nghệ An được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, văn hóa.

Bộ GTVT ủng hộ đề xuất nêu trên. Tuy nhiên, để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Nghệ An cần thực hiện 03 đột phá chiến lược, trong đó đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và cần triển khai một số dự án động lực như cao tốc Vinh - Thanh

² Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021; các Quy hoạch chi tiết các nhóm cảng biển đã được Bộ GTVT phê duyệt năm 2016, 2017 và tiếp tục được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định chuyển tiếp tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Thủy,... vì vậy, đề nghị tỉnh Nghệ An rà soát, nghiên cứu bổ sung cơ chế cho phép nâng tỷ lệ tham gia vốn từ ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư theo phương thức PPP để triển khai thực hiện, tương tự như Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù đầu tư các dự án công trình giao thông đường bộ.

- Chính sách 4, UBND tỉnh Nghệ An đề xuất "Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể".

Việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2019 và áp dụng đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A. Về cơ bản, Bộ GTVT ủng hộ đề xuất nêu trên của UBND tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ tính khả thi và hiệu quả của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; cơ sở thực hiện trong trường hợp dự án có cấu phần xây dựng chưa được phê duyệt; kinh phí quản lý để tránh tình trạng tái lấn chiếm sau khi dự án hoàn thành.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, KHĐT tuangva

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Danh Huy

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 905 /BNG-THKT

V/v góp ý Đề án xây dựng một số cơ chế,
chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An
trình Quốc hội ban hành

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Quý Bộ về việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao xin có ý kiến như sau:

1. Về các cơ chế, chính sách

- Đối với Chính sách 1 (Nhóm Chính sách phát triển kinh tế biển), trong trường hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý với đề xuất cho phép Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An có thẩm quyền giao khu vực biển "ngoài 06 hải lý" để nuôi trồng thủy sản, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với đề xuất chỉ lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển cho nhà đầu tư trong nước thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng khu vực biển được tiến hành hoạt động trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, đề nghị Tỉnh rà soát, bảo đảm công tác giao và cấp phép khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phù hợp với quy hoạch về không gian biển và bảo đảm yếu tố về bảo vệ môi trường.

- Đối với Chính sách 2 (Nhóm Chính sách phát triển kinh tế biển) về áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát và làm rõ các nội dung tại chính sách này do nội dung ưu đãi được đề nghị tại Tờ trình và dự thảo Đề án chưa thống nhất.

- Đối với Chính sách 4 (Nhóm chính sách tài chính – ngân sách nhà nước) về cho phép Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác trong nước và nước ngoài, Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định nội dung chi viện trợ của ngân sách Trung ương cho các Chính phủ, tổ chức ngoài nước, chưa cho phép chi ngân sách địa phương cho hỗ trợ, viện trợ địa phương nước ngoài. Tuy nhiên, trên cơ sở yêu cầu chính trị, đối ngoại, trường hợp cần đề xuất cơ chế đặc thù đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung đánh giá tác động chính sách và sự cần thiết theo nhu cầu thực tiễn.

- Đối với Chính sách 5 (Nhóm chính sách quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường) về kinh doanh tín chỉ các-bon rừng, hiện nay luật pháp Việt Nam chưa có quy định cụ thể về quyền chuyển nhượng, mua bán, trao đổi tín chỉ các-bon rừng, vì vậy, đề nghị tỉnh Nghệ An xin ý kiến Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn, cân nhắc và có đánh giá kỹ đối với đề xuất này để bảo đảm tính khả thi của chính sách.

2. Về hồ sơ, trình tự thủ tục

Đề nghị Cơ quan soạn thảo hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Mục 2, Chương III Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 khi trình Quốc hội ban hành Nghị quyết.

Bộ Ngoại giao xin có ý kiến trên để Quý Bộ tham khảo và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: UBBG, LPQT, TCQT;
- Lưu: HC, THKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Minh Hằng
BỘ NGOẠI GIAO
23-02-2024 19:52:06 +07:00



Nguyễn Minh Hằng

Số: 427 /BKHCN-ĐP

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến về xây dựng một số cơ chế,
chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ
An trình Quốc hội ban hành

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, sau khi nghiên cứu Tờ trình và Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ cơ bản thống nhất với đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

2. Một số ý kiến cụ thể:

2.1. Đối với các cơ chế, chính sách đặc thù chưa được áp dụng thí điểm cho tỉnh/thành phố nào và khác với quy định pháp luật hiện hành đề nghị rà soát làm rõ những vấn đề bất cập hiện hành, mục tiêu của chính sách, giải pháp thực hiện để bảo đảm khả thi và đánh giá tác động cụ thể.

2.2. Đối với Chính sách 5 (Kinh doanh chứng chỉ carbon rừng) thuộc Nhóm lĩnh vực 2 (Nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường): đề nghị bổ sung làm rõ quan điểm, mục tiêu của chính sách và giải pháp thực hiện đảm bảo khả thi.

2.3. Đối với Chính sách 6 (Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường) thuộc Nhóm lĩnh vực 2 (Nhóm chính sách về quản lý quy hoạch đô thị, tài nguyên và môi trường):

Việc đề nghị trao quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy mô, phục vụ phát triển cộng đồng, phúc lợi xã hội tại khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An, các dự án Nhóm I như trong kiến nghị của tỉnh Nghệ An là phù hợp. Tuy nhiên, khi tiến hành thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cần bám sát các yêu cầu khi chuyển đổi đất nông nghiệp theo Luật đất đai vừa được Quốc hội thông qua; yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, đa

dạng sinh học,... của khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An theo các tiêu chí được UNESCO công nhận.

Bộ Khoa học và Công nghệ gửi ý kiến để Quý Bộ tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trần Hồng Thái

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1085 /BNN-KH

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2024

V/v góp ý xây dựng một số cơ chế,
chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh
Nghệ An trình Quốc hội ban hành

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp văn bản số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý đối với những nội dung có liên quan như sau:

Tại Mục 3 (trang 38 của Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024). Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong đó có nội dung “Việc phân cấp ủy quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng”: Ngày 18/01/2024, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Đất đai năm 2024; trong đó, Khoản 5 Điều 248 về sửa đổi, bổ sung Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: “Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí”.


Như vậy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trong phạm vi được phân cấp, trao quyền. Do đó, không cần thiết quy định về cơ chế, chính sách đặc thù đối với lĩnh vực này cho tỉnh Nghệ An.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp



Số: 1294/BCT-KHTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc xin ý kiến xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, sau khi nghiên cứu tài liệu kèm theo, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

- Việc tỉnh Nghệ An xây dựng Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An là cần thiết nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, góp phần quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Về tổng thể, đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An được xây dựng phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/07/2023 của Bộ Chính trị.

2. Ý kiến cụ thể

* Đối với tổng thể các nhóm chính sách

- Ngày 18/01/2024 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua và ban hành. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo cần nghiên cứu, rà soát các nội dung để đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai mới được ban hành.

- Về định hướng phát triển công nghiệp, đề nghị rà soát các cơ chế, chính sách đảm bảo sự phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đặc thù để phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo trên địa bàn tỉnh (nếu phù hợp).

- Các cơ chế phát triển các ngành công nghiệp cụ thể cần đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, địa phương cũng như các quy hoạch ngành quốc gia (như điện lực, năng lượng, khoáng sản...) và các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành có liên quan do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. I

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đơn vị: CTĐP, CN, ATMT, ĐL, TTTN;
- Lưu: VT, KHTC (PhuNN).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



(Handwritten signature)

Nguyễn Sinh Nhật Tân

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 727 /BVHTTDL-KHTC
V/v ý kiến về Đề án xây dựng một số cơ chế,
chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh
Nghệ An trình Quốc hội ban hành

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Liên quan đến lĩnh vực văn hóa, thể thao:

1.1. Tại mục "2. Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đề xuất cơ chế, chính sách:

"- Ngoài các lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Luật PPP, tỉnh Nghệ An được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP quy định tại điều này do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định".

Về đề xuất áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa và thể thao nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

- Hiện nay, lĩnh vực văn hóa và thể thao khó thu hút đầu tư do lợi nhuận không cao so với nhiều ngành khác. Do đó, nếu được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa, có thể góp phần sớm tăng cường hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trong lĩnh vực văn hóa và thể thao, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tuy nhiên, các quy định về dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư về văn hóa, thể thao tại Đề án là mới so với pháp luật hiện hành. Do đó, để đảm bảo triển khai được trong thực tế, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ việc khi triển khai xây dựng cơ chế đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, trường hợp còn chồng chéo, mâu thuẫn với luật khác thì cần có phương án xử lý; tránh trường hợp sau khi được phê duyệt nhưng vẫn vướng mắc, không triển khai được. Đồng thời, cần nghiên cứu, xác định những đối tượng dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa và thể thao cụ thể được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư để đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực.

1.2. Đề nghị Ban Soạn thảo xem xét việc nghiên cứu, đề xuất bổ sung cơ chế đặc thù để phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa, hình thành các không gian sáng tạo để tạo điều kiện triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016) và Đề án Tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017).

2. Liên quan đến lĩnh vực du lịch:

Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 23/5/2023) đã xác định mục tiêu:

- Đến năm 2030, tỉnh Nghệ An trở thành một trong những trung tâm du lịch của vùng Bắc Trung Bộ và là điểm đến hấp dẫn của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

- Đến năm 2035, Nghệ An trở thành một điểm đến của du lịch Châu Á và thế giới, một điểm sáng, đi đầu về phát triển kinh tế di sản và du lịch của Việt Nam.

Để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu trên, ngành du lịch tỉnh Nghệ An cần được quan tâm và có những cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực phát triển. Do đó, đề nghị xem xét, nghiên cứu, lồng ghép lĩnh vực du lịch trong các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An trong Đề án.

3. Ý kiến khác:

Đối với các văn bản trích dẫn, đề nghị rà soát khi nêu tên văn bản lần đầu, cần ghi rõ loại và số, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành và tên của văn bản (trừ luật, pháp lệnh); trong các lần tiếp theo chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. /G

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy;
- Các Cục: DLQGVN, BQTG;
- Các Vụ: PC, KHCNMT;
- Lưu: VT, KHTC, NTA.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trịnh Thị Thủy

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 846 /BNV-CQĐP

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2024

V/v góp ý về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trả lời Văn bản số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất về sự cần thiết xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các mục tiêu, quan điểm, một số nội dung nêu trong Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An.

2. Đối với 03 chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy và biên chế nêu tại khoản 5 mục III của Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024, đề nghị UBND tỉnh Nghệ An cần đánh giá rõ thực trạng, ưu điểm, hạn chế, vướng mắc, bất cập của những quy định pháp luật liên quan đến các nội dung nêu trên, từ đó đề xuất cụ thể các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển của địa phương trong thời gian tới; mỗi nội dung đề xuất cần đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ sẽ nghiên cứu, có ý kiến đối với từng cơ chế, chính sách đặc thù theo phạm vi, thẩm quyền của Bộ Nội vụ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Duy Thăng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (Phòng TH -TK);
- Lưu: VT, CQĐP (02).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**



Phan Trung Tuấn

BỘ Y TẾ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 602 /BYT-KHTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Y tế nhận được Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành. Sau khi nghiên cứu, rà soát, Bộ Y tế có ý kiến như sau:

1. Ngày 20/01/2024 Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An có Tờ trình số 585/TTr-UBND gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Theo đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị ngoài tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội đã được ban hành (03 nhóm lĩnh vực với 6 cơ chế, chính sách); tỉnh Nghệ An đề xuất xây dựng bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù gồm 05 nhóm lĩnh vực với tổng số 22 chính sách.

2. Tuy nhiên, các lĩnh vực và cơ chế, chính sách đặc thù Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đề xuất nêu trên không có các nội dung về y tế. Đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An nghiên cứu và đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù về y tế để phát triển "thành phố Vinh trở thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ" theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đạt được các mục tiêu và phương án phát triển lĩnh vực y tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bộ Y tế gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở Y tế tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, KHTC2.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỦ TRƯỞNG****Lê Đức Luận**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 502 /BT/TT-VCL
V/v góp ý cơ chế, chính sách đặc thù
cho phát triển tỉnh Nghệ An trình
Quốc hội ban hành

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2024


Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

- Nội dung chính sách 5 “Cho phép tỉnh Nghệ An hưởng 100% nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của các doanh nghiệp ngoại tỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, hàng không, viễn thông hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Khoản thu này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo điểm b, khoản 2 điều 40 Luật ngân sách nhà nước”: không phù hợp điều 35, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

- Nội dung của các chính sách khác: Bộ Thông tin và Truyền thông không có ý kiến do các đề xuất không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, VCL (4).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Tâm

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: MM3 /NHNN-TD.

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư /

Phúc đáp Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối về xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

Nghị quyết 162/NQ-CP ngày 4/10/2023 của Chính phủ về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045, Chính phủ không giao nhiệm vụ cụ thể cho Ngân hàng Nhà nước nhằm triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án cụ thể tại phụ lục đính kèm Nghị quyết 162/NQ-CP; Tờ trình số 585/TTTr-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An không đề xuất về cơ chế, chính sách liên quan đến ngành ngân hàng. Do vậy, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không có ý kiến tham gia bổ sung đối với các đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp MM3

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTD Đào Minh Tú;
- Lưu VP, TD, TD2 LQT Trung ✓

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đào Minh Tú

Kle A Chh 4/3/24
→ C. Lan

88

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2024

Số: 663 /BCA-ANKT

V/v góp ý đối với xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ...100.76... Ngày: 01.3.2024..
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS;.....	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 680/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị Bộ Công an góp ý đối với xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành, Bộ Công an trao đổi như sau:

1. Các nhóm lĩnh vực và chính sách trong dự thảo Đề án bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An đã bám sát định hướng phát triển tỉnh Nghệ An theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Ngoài ra, đề nghị dự thảo Đề án cần đảm bảo một số nội dung sau

- Tạo môi trường xã hội, môi trường đầu tư an toàn, bình yên, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Tập trung giải quyết triệt để các yếu tố tiềm ẩn phức tạp đối với an ninh trật tự, cải cách hành chính, áp dụng các tiên bộ công nghệ vào công tác quản lý xã hội.

- Nội dung về quản lý quy hoạch đô thị và môi trường, phát triển kinh tế biển đề nghị bám sát các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để đưa vào nội dung Đề án nhằm đảm bảo xây dựng, phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An một cách bền vững.

- Đề nghị bổ sung nội dung sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An vào Đề án để chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù từ đó có cơ sở đề xuất bổ sung cơ chế đặc thù phù hợp.

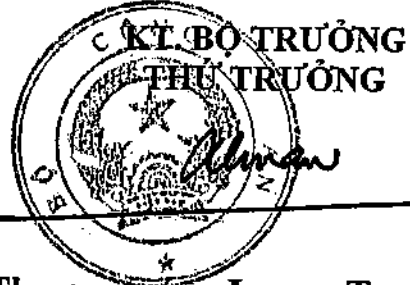
- Nội dung chính sách 4, mục 2, phần III, Tờ trình số 585/TTr-UBND ngày 20/01/2024 của UBND tỉnh Nghệ An, đề nghị cân nhắc việc sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế khu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để "thực hiện biện pháp lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; phát

triển giống cây lâm nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng” vì có thể ảnh hưởng đến mục tiêu đảm bảo diện tích che phủ rừng.

Bộ Công an trao đổi để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tập hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng BCA (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(ANTCĐT).NTH(04b).



Thượng tướng Lương Tam Quang